

Cái Chết Hải Ngữ

Bao nhiêu năm sau này mỗi khi nghĩ đến Việt-nam - mảnh đất nơi tôi đến thi hành nhiệm vụ quân sự - tôi đều hình dung tất cả những người dân Việt tôi gặp gỡ trên đường phố chật hẹp ở Pleiku, hoặc từng người nặng nề lê bước trên con đường mòn lầy lội, đến những người cúi gập thân hình dầm mưa dãi nắng trên cánh đồng lúa ngập bùn, ngay cả những người được thuê mướn làm việc quanh trại lính của sư đoàn 6 bộ binh (tôi nghĩ họ đều là Việt-cộng), đều có thể lấy mất đầu tôi bất cứ lúc nào. Tôi không dám nghĩ trong đám dân chúng lại có người có thiện cảm với chúng tôi hoặc có người giữ thái độ trung dung về cuộc chiến tàn khốc đang xảy ra ở vòng đai thành phố.

Tôi thật sự ngỡ ngàng trong mấy tuần đầu, run rẩy bất kỳ khi nghe tin tức thương vong từ những trận đánh, ngay cả cảnh vật, âm thanh và mùi đất của thành phố sống chen chúc những người nghèo khổ, trông thật lạ lẫm trên mảnh đất mà tôi đến chiếm đóng.

Đối với dân chúng, tôi hình như không tìm thấy một điểm tương đồng nào cả ngoài sự kiện là chúng tôi đối đầu với cùng một kẻ thù. Thời gian trôi qua, tôi đã bắt đầu tập làm quen với sinh hoạt quanh trại, sự sợ hãi lắng dần xuống. Đã có lúc tôi cảm thấy thoải mái, bằng lòng với công việc, hiểu rõ dân tình hơn; và mặc dù cuộc chiến là sợi giây duy nhất ràng buộc giữa tôi với những người Việt, tôi đã giao thiệp rộng rãi với lòng tự tin lớn dần - cho dù sự giao thiệp vẫn còn e dè và cẩn trọng nhưng cái nhìn của tôi đối với họ khơi động sự tò mò trong tôi nhiều hơn là nỗi ám ảnh sợ sệt như thuở ban đầu. Tôi hăng say với công việc được giao phó, đôi khi phải dời căn cứ đi thật xa, đến mãi những vùng chiến tranh sôi động của vùng cao nguyên.

Vậy mà khi gần đến ngày mãn dịch trở về nước - sau gần một năm sống trên vùng đất đỏ - cái cảm giác lo sợ trở lại như những ngày đầu tiên. Tôi đã vượt qua gần hết chặng đường. Không như những bạn đồng đội khác, tôi vẫn còn sống, và tôi hy vọng vẫn còn lạnh lặn khi lên chuyến bay về nước. Chính vì thế mà trong những ngày cuối cùng ở Việt-nam, tôi ở lì trong doanh trại, chứ không xả trại đàn đúm với đám bạn bè ở những nơi mà cả năm tôi chỉ đến có một lần.

Gần đến ngày đáp chuyến bay về nước thì tôi nhận được cú phôn của Mitch từ căn cứ Victoria, tiền đồn của lữ đoàn 3 thuộc sư đoàn 6. Mitch nói là muốn tôi nói chuyện với một người. Tay này có câu chuyện hết sức kỳ bí, đến nỗi Mitch không biết phải bắt đầu như thế nào; đúng ra Mitch không biết phải tiến hành cuộc điều tra ra sao!

Và đây chính là câu chuyện khiến tôi nghĩ đến mối giây liên hệ đã ràng buộc chúng tôi lại với nhau: những người dân Việt và lính Mỹ.

Cả ba chúng tôi ngồi xuống cái bàn nhỏ đặt trong lều tại căn cứ Victoria; tôi quan sát binh nhất Willard trong khi hắn kể câu chuyện kỳ kỳ mà Mitch đã báo cho tôi biết. Hắn kể chuyện bằng một giọng đều đều, không lời cuồn; cử điệu bình thản không lộ một vẻ gì khẳng định trong lời nói:

- Câu chuyện kỳ lạ lắm, thưa ông Hatchett. Quá trùng hợp. Vì thế tôi quyết định phải nói chuyện với ông để tùy ông phán quyết có nên báo cho Nha Điều Tra Tội Ác (Crimes Investigation Division = CID) hay không?

Hắn liếc mắt nhìn xuống cái bao giấy đựng đầy các thứ linh kinh. Willard mang theo cái bao giấy khi đến gặp chúng tôi và luôn luôn giữ sát bên mình. Tôi chưa hỏi những thứ gì bên trong vì muốn hắn kể cho chúng tôi nghe câu chuyện trước. Không cần biết cái bao giấy chứa đựng cái gì nhưng linh tính báo cho tôi biết rằng, những vật linh kinh trong đó phải dính líu đến câu chuyện mà hắn sửa soạn đi vào chi tiết. Willard ôm sát lấy cái bao giấy vào lòng đến nỗi tôi cứ ngỡ trong đó phải là chiếc vương miện nạm đầy kim cương của Nữ hoàng Anh.

Vẫn bằng một giọng đều đều đến buồn nản, Willard tiếp tục:

- Cả đời tôi gắn bó với Berkley. Chúng tôi sinh ra và lớn lên ở một thành phố nhỏ thuộc tiểu bang Kansas, lớn lên đi học cùng trường, ngay cả tôi cặp bồ với con em gái của nó. Chúng tôi ghi tên nhập ngũ và cùng dự một khóa huấn luyện căn bản, và được lệnh tham chiến tại Việt-nam cùng một lần. Trước khi lên đường, tôi theo học khóa cao cấp ở trường Âm Hiệu tại Fort Gordon còn nó tu nghiệp một khóa bộ binh tại Fort Polk. Đến Việt-nam thì nó được bổ xung vào đại đội 2 thuộc lữ đoàn 11 bộ binh, còn tôi thì làm việc tại bộ chỉ huy Trung đoàn. Chúng tôi lâu lâu gặp nhau tại lữ đoàn, uống với nhau ly cà phê và trao đổi một vài tin tức từ quê nhà. Chúng tôi thân nhau đến thế nên tuần trước khi nó tâm sự với tôi là có một vài đứa ở trung đoàn đang rình rập để thanh toán nó, tôi tin ngay. Ý tôi muốn nói là chúng tôi thân nhau và biết nhau quá rõ nên tôi chắc chắn là khi nó nói như thế chắc chắn phải có lý do. Thưa ông Hatchett, thằng bạn tôi lo sợ trông thấy rõ, nó phân vân không biết phải làm gì. Ngay đêm đó, nó chết; đúng như lời nó đã tiên đoán.

Tôi cau mày:

- Thế Berkley có nói đến tên những đứa nào không?

Thật ghê tởm - khi đồng đội giết lẫn nhau - chuyện đó không bình thường, nhưng khi nó xảy ra trong một tình huống được khéo che giấu, thường là lợi dụng những cuộc giao tranh – trong tình trạng đầu tên mũi đạn – thì khó mà kiểm soát được.

Willard xếp hai tay lên trên miệng bao giấy. Hắn có đôi bàn tay lớn, sần sùi, tôi nghĩ đến bàn tay của những nông phu miền Kansas. Mái tóc bết thành từng cuộn, khuôn mặt tái mét, hắn lên tiếng:

- Không, Berkley không nói đến một tên nào cả, nhưng nó chết khi đi tuần tra trên đường mòn, chắc chắn phải là một trong những thằng đi tuần với nó. Cả nhóm chỉ có sáu tên đi tuần buổi tối hôm đó.

Tôi quay sang Mitch:

- Ông có biết tiểu đội tuần tra nằm ở đâu không?

- Biết chứ! Biết rõ nữa là khác. Đó không phải là một đại đội đầy đủ, chỉ là một bộ phận tách rời trực thuộc trung đoàn. Nhưng thật không ngờ chuyện lại xảy ra khốn nạn đến thế.

Tôi hiểu được sự ghê tởm trong giọng nói của Mitch, và tôi quyết định sẽ gặp toàn bộ tiểu đội tuần tra ngay sau khi Willard kể xong câu chuyện.

Willard kể tiếp:

- Berkley chỉ nói thoáng qua cái lý do mà bọn chúng sẽ thanh toán nó là cả đám xuống dốc lắm rồi, bọn nó tội tệ hơn bao giờ, và Berkley không muốn thấy bọn nó như thế. Ông biết, mặc dù biết rõ nhưng nó phân vân không biết có nên báo cáo hay không? Cũng chẳng có ai, ngoài tôi, để bàn chuyện.

Mitch đỡ lời:

- Tôi hiểu.

Tôi tóm lược lại câu chuyện xem còn thiếu sót chi tiết nào không:

- OK, Berkley đi tuần với bọn nó, trong đó có một vài thằng đồn mạt, và khi trở về người bạn anh chết. Nếu vậy phải có một trận đụng độ nào đó, phải không?

- Gần gần như thế. Bọn tôi theo dõi cuộc đi tuần ở trên bộ chỉ huy lữ đoàn. Tôi nghe bọn nó hét trong máy truyền tin là bị phục kích, bị tấn công hay bị đụng độ gì đó và phải rút lui. Tiểu đội đã được lệnh không được lộ mục tiêu, chỉ đi tuần, quan sát và báo cáo thôi, nhưng đôi khi cũng không tránh khỏi những trận như thế. Có đưa hết đội yểm trợ. Chúng muốn phóng pháo. Có thằng muốn hòa châu. Chúng muốn rút ngay khỏi nơi đó. Đã có thằng rụng rời, thằng dẫn đường, và chúng đang cố mang xác về. Bắn che để bọn tao rút. Tôi nghe loáng thoáng trong máy tiếng la hét hỗn độn rồi tiếng M16 im bật. Tất cả bỗng rơi vào thinh lặng, một sự yên lặng chết người. Tôi biết là bọn chúng đã tắt máy truyền tin và tìm đường rút lui về căn cứ. Thật không ngờ đi tuần chỉ cách căn cứ độ vài nghìn yards mà đã có thương vong và cũng không ngờ đó là đội tuần tra 2/11 và đứa bị bắn chết lại là Berkley, thằng bạn thân của tôi.

- Thế chuyện đó xảy ra lúc nào?

- Vào lúc một giờ sáng thứ Ba tuần trước.

- Ngoài chi tiết mà anh vừa kể xong, còn chi tiết nào khác để anh tin tưởng rằng bọn chúng thanh toán Berkley trong khi đụng độ với bọn Việt-cộng?

Willard ngơ ngác, ngập ngừng một giây để lượng định sự quan trọng của câu hỏi, rồi chậm rãi nói từng chữ một như cố tìm đúng chữ để diễn tả tâm trạng của hắn:

- Tôi không nghĩ...

Hắn im bật... rồi tiếp tục:

- Như thế này... tôi chỉ nghi ngờ thôi... vì Berkley đã đoán trước cuộc thanh toán. Tôi nghĩ là giết một người bạn đồng đội thật khó mà hiểu được, nên tôi phải cân nhắc mọi sự kiện đã thấu đạt được. Việc giết người đã ghê tởm, giết một người đồng đội lại càng ghê tởm hơn, tôi so sánh những sự kiện đó để đối chứng với sự nghi ngờ nhúm lên trong trí. Ông hiểu ý tôi chứ! Tôi có thể sống với sự nghi ngờ đó cả đời nhưng tôi biết tôi phải kể lại chuyện này với ông sau khi tôi đến trung tâm giữ xác Berkley. Cái mà tôi thấy bắt buộc tôi phải làm một cái gì đó cho thằng bạn tôi... Ồ! Mẹ nó sẽ khóc không còn một giọt nước mắt khi nghe tin này.

Bình nhất Willard vò chặt miệng bao giấy trong tay, cuộn nó lại rồi lại mở ra, biểu lộ một sự bất an.

- Thế anh thấy gì ở trung tâm giữ xác?

Bây giờ hắn mới mở cái bao giấy ra:

- Tôi được phép đến trung tâm nhận xác vào ngày hôm sau, thứ Tư. Tôi nghĩ đến để chào vĩnh biệt nó, lấy một vài món đồ cá nhân để mang về cho bà mẹ. Tôi còn nghĩ là nên gọi điện thoại ở đây báo tin cho mẹ nó biết. Tôi nói chuyện với mẹ nó dễ hơn là khi người ta đưa tin. Vậy mà tôi vẫn không làm được...

Willard thở ra một hơi dài và giọng nói đã bắt đầu run rẩy:

- Tôi hỏi người giữ xác cái bật lửa Zippo của Berkley. Nó khoe với tôi một ngày trước khi nó chết - trên chiếc bật lửa có khắc tên và đơn vị của nó - nhưng kiểm mãi vẫn không thấy cái Zippo. Những vật cá nhân kia thì có mà cái bật lửa không thấy trong túi quần của nó thì thật lạ vì nó hút thuốc như xe lửa phun khói. Tôi thường nói với nó là mày bớt hút thuốc đi không thì có ngày đi luôn hai lá phổi.

Willard nhếch môi, vẻ chua chát:

- Tôi cho là khi kéo xác nó về, chiếc Zippo đã rơi rớt trên đường. Xác Berkley nằm dài trên bàn chỉ còn chiếc quần đùi, tôi thấy nguyên một tràng đạn ghim chéo ngang lồng ngực; đạn ghim vào người như thế thì chắc chắn nó

phải chết ngay. Ngoại trừ một viên đạn bắn xéo phía trên bề cả mảng xương vai còn những viên khác đều chạy từ lồng ngực xuống đến bụng. Người ta đã chùi hết máu. Chiếc áo lính của nó nằm rơi rớt trên sàn. Nhìn thấy bảng tên của nó trên miệng túi tôi biết ngay cái áo lính của Berkley, tôi cúi xuống nhặt lên... Đột nhiên, tôi bật khóc, ôm chiếc áo lính của thằng bạn dính đầy máu trong tay, tôi khóc, khóc cho tôi, khóc cho mẹ nó, khóc cho cả anh em đồng đội... rồi tôi như người mộng du, đi về trại mang theo chiếc áo mà không hay biết... và tôi chợt thấy một sự kiện, một sự kiện kinh hoàng làm tôi chết sống người...

Hắn moi trong túi ra chiếc áo lính, nắm lấy hai cánh tay áo và đưa lên ngang tầm vai. Tôi thấy ngay bảng tên BERKLEY nằm phía trên miệng túi. Tôi còn thấy cả cấp bậc của Berkley trên ve áo. Chiếc áo trông bẩn thỉu và khô cứng vì máu thấm khá nhiều.

Willard đứng lên, bước lui lại phía sau một chút, hai tay vẫn cầm chiếc áo mở rộng để mọi người thấy rõ ràng hơn:

- Mãi đến ngày hôm sau tôi mới khám phá ra chi tiết bất thường này...

Trong khi nói, đôi mắt hắn vẫn nhìn tôi không chớp, theo dõi tôi đang ngó chăm chăm vào chiếc áo dẫm máu. Mitch cũng chăm chú nhìn tôi. Ngoại trừ một vũng máu lớn nằm ngay phía trước, tôi không thấy một chi tiết khác thường nào trên chiếc áo này cả. Quan sát một lúc, tôi đành chịu thua:

- Anh thấy gì trên chiếc áo này?

Mitch đẩy chiếc ghế về phía sau, đứng bật dậy:

- Không có một lỗ đạn nào cả, Hatch. Không có một lỗ đạn nào trên chiếc áo này cả, anh thấy không? Áo dính rất nhiều máu nhưng đạn bắn nát lồng ngực mà áo không thủng một lỗ nào thì lạ thật!

Mitch bẻ quặt tay lái trên con đường bụi mù của căn cứ Victoria. Dọc theo doanh trại, phía trong hai hàng rào thép gai, những ụ chiến đấu được đắp bằng bao cát mọc lên như nấm; cứ mỗi bốn cái lại có một đài chỉ huy, cũng làm bằng bao cát. Tôi dừng lại trước một đài chỉ huy.

- Mỗi đơn vị chịu trách nhiệm kiểm soát một ụ chiến đấu 24 giờ mỗi ngày...

Mitch nói với tôi trong khi sửa lại chiếc mũ lưỡi trai.

- ...tiểu đội 2/11 chịu trách nhiệm 5 ụ chiến đấu mà ông thấy đây. Cắt ngang dãy hàng rào thép gai trước mặt là đường mòn và cổng dẫn bọn nó ra ngoài đi tuần, hy vọng là không ai thấy.

Tôi nhận thấy con đường và cái cổng cuộn tròn bằng những sợi thép gai sắc lẹm chung quanh hai khúc cây to đan với nhau thành hình chữ thập. Tôi còn thấy những pháo sáng treo lủng lẳng dọc theo hàng rào kẽm và ít nhất là có hai trái mìn Claymore chôn hờ dưới đất hướng về phía cổng để chặn đứng một cuộc tấn công có thể xảy ra.

- Trước đây ít lâu có người báo cho tôi biết là bọn gác cổng tiểu đội 2/11, tiểu đội trưởng là hạ sĩ Reynolds, lén đem gái điếm qua cổng trại vào căn cứ này rồi hú hí ở dưới mấy cái ụ chiến đấu, ông có ngờ bọn nó dám liều đến vậy không?

- Thật là lũ điên! Tôi chép miệng, ...bọn nó cả gan dám làm chuyện tày trời mà không nghĩ đến sự nguy hiểm cho toàn trại. Chúng nó vừa loạn vừa ngu xuẩn nữa.

- Tôi đã bắt được chúng tại trận với bốn con điếm. Tôi trả bốn đứa con gái lại cho bọn canh sát dưới tỉnh, và tôi viết giấy cảnh cáo hạ sĩ Reynolds và cả tiểu đội. Bọn nó còn say sưa, hút cần sa, hai thằng lại ngủ trong khi làm nhiệm vụ canh gác có chết không chứ! Nhưng thế vẫn còn hiểu được chứ đưa người lạ vào căn cứ thì đại đột không tả được!

- Thế bọn nó có bị đưa ra toà án quân sự không?

- Chúng nó bị trừng phạt khá nặng. Tôi còn nhớ là Reynolds bị cắt tháng lương nhưng cũng hiểu là tay chỉ huy trưởng lúc đó, trung úy Macy, là thằng tôi. Chẳng có một chút nghị lực, lúc nào cũng sợ chết. Tôi nghe nói càng gần đến ngày về, Macy đó càng co rúm người lại rồi nó giao hết mọi việc cho thằng Reynolds. Nói nó thay mặt chỉ huy thì hơi quá nhưng cũng gần gần như thế. Tay Macy chỉ ngong ngóng ngày về. Mãi đến tuần qua thì hắn được lên máy bay. Lữ đoàn mới chuyển một tay mới về chỉ huy, để xem tay này có làm gì nên chuyện không!

Mitch bỏ số nhẵn ga:

- Từ ngày về đây công tác, cả đại đội chỉ có đám thằng Reynolds gây nhiều chuyện nhất. Cứ xuống đến Phú Biên là gặp bọn nó, không ở trong mấy quán bar mất an ninh thì lại làm giặc trong xóm nhà thổ, xử dụng quân xa trái phép, say sưa và gây rối loạn. Cái tội lớn nhất vẫn là ăn cắp quân trang quân dụng đem bán ra chợ đen. Hút sách, nhậu nhẹt... đủ cả. Bọn nó đi lính mà cứ như đi du hí không bằng.

Chiếc xe nhồi lên qua mấy cái ổ gà trên con đường bụi đỏ mịn mù. Tôi trở lại câu chuyện của binh nhất Willard:

- Cái áo lính của Berkley, ông có nghĩ là có khi nào nó đi tuần mà không mặc áo không?

- Không thể được, có người giải thích cho tôi...

- Sao?

- Sau khi Willard cho tôi xem cái áo, tôi có gặp một thằng bạn đại úy. Giống như ông, tôi nghĩ có thể Berkley đã cởi áo ra khi đi tuần và nó bị bắn, rồi mấy thằng bạn mặc áo vào cho nó trên đường rút về căn cứ. Tôi có hỏi thằng bạn là có khi nào mây hoặc lính của mây đi tuần tra ban đêm mà ở trần không? Nó phá lên cười nói là không bao giờ cả. Thứ nhất, muỗi nó sẽ nuốt sống mây ngay. Cả một rừng muỗi, mây biết không? sau nữa trời cao nguyên rất tối, cho dù có ánh trăng nhưng cây cối đan chằng chịt nên không thể trông rõ mặt người, bọn nó lại không được phép mang theo đèn pin vì để giữ bí mật. Đi trong đêm như thế nên cành cây quật vào người, gai đâm xước da là

chuyện thường, bởi thế phải luôn luôn mặc áo. Có thằng chắc ăn còn mặc thêm một cái áo giáp phía ngoài nữa kia. Nghe thằng bạn giải thích xong thì tôi quyết định gọi cho anh liền.

- Nhưng nó phải cởi áo ra khi bị bắn... trừ phi bọn Việt-cộng có một loại đạn mới. Hoặc giả nó không cài nút áo, ông nghĩ sao? Có thể lắm chứ!

- Thế cả lớp xương vai bị bắn vỡ thì giải thích làm sao? Nếu nó có mặc áo giáp thì lại càng không hiểu được vì áo giáp không có ống tay, dùng để che ngực, bụng và bắp vai. Tôi đã nói với anh là câu chuyện khó hiểu lắm, chắc hẳn phải có một cái gì bí ẩn ở bên trong. À! Đến rồi đây, gặp mấy thằng này may ra mình hiểu thêm đôi chút.

Chúng tôi bước vào khu vực của tiểu đội 2/11. Tôi nhìn quanh lều, những bức tường được đắp bằng bao cát cao hơn thước dùng để trú ẩn tránh mìn-chê và hỏa tiễn. Tôi nhìn thấy ba người lính đang bận rộn lau chùi nhà vệ sinh bằng gỗ, bốn người nữa đang chùi rửa và đánh bóng xe của đại đội, và cả một hàng người đi quanh trại để nhặt rác.

Tám bạt ở cửa lều được vắt lên một bên để không khí lùa vào. Ở phía trong, tôi thấy khoảng 6 người lính nằm mọp lau sàn nhà gỗ, chùi và đánh bóng tất cả những vật dụng khác.

Nhìn cảnh tượng đó, Mitch mỉm cười thích thú:

- Đã có sự thay đổi. Tôi bắt đầu thích tay chỉ huy trưởng này rồi đấy. Anh thấy chúng nó bò ra sàn để chùi rửa không!

Khi tiến đến gần căn lều của viên chỉ huy trưởng, tôi đã nghe tiếng ồn ào ở phía trong. Giọng nói gần mạnh, chắc nịch, trôi hần lên giữa nhiều tiếng động khác:

- Hạ sĩ Reynolds, tôi không cần biết trung úy Macy trước đây làm việc thế nào nhưng bắt đầu kể từ giờ phút này, mọi việc phải thay đổi. Căn cứ vào bản tồn kho của tôi, không thấy 50 thùng lương khô, mất hai máy truyền tin, không một cái xe nào còn bánh xơ-cua. Tôi chưa kiểm tra lại kho vũ khí... còn chỗ ngủ của binh sĩ thì đúng là một ổ chuột...

Im lặng một chút rồi giọng nói tiếp tục, âm điệu mạnh mẽ hơn bao giờ:

- ...ngày mai sẽ có một cuộc kiểm tra toàn diện lúc 9 giờ sáng. Và anh phải tìm cho được hai ống nhôm hồng ngoại tuyến. Đem trình diện tôi ngày mai. Anh nghe rõ chưa?

- Thừa nghe rõ, đại úy Boggs! Tôi có thể lấy cấp hai cái hồng ngoại tuyến đó của đơn vị bên cạnh được không?

- Nói vậy đủ rồi, tôi không muốn nghe nữa. Phải tìm cho ra!

Chúng tôi vén cửa lều và bước hần vào trong.

- Các anh là ai?

Boggs nhìn thẳng về phía cửa, hỏi, giọng nói vẫn gần mạnh. Viên chỉ huy nhìn chúng tôi như một con thú đói lâu ngày mà chúng tôi là miếng mồi ngon, béo bở. Chợt nhớ ra một chuyện, Boggs thở ra, giọng hoà hoãn hơn:

- À! Quân cảnh. Có người đã báo cho tôi biết là các anh trên đường đến đây. Tôi là đại úy Boggs, chỉ huy trưởng mới ở đây.

- Tôi là Hatchett, nhân viên điều tra tội ác, còn đây là ông Mitchley, nhân viên điều tra quân cảnh tại căn cứ Victoria.

Với khuôn mặt lạnh lùng vô cảm, Reynolds từ từ xoay đầu nhìn xoi mói về phía chúng tôi.

Đại úy Boggs lên tiếng:

- Hạ sĩ, những người này muốn nói chuyện với anh.

Vừa nói xong, Boggs đi vụt ra cửa. Đứng ở cửa lều, viên chỉ huy xoay người lại:

- Các anh có thể dùng cái lều này để làm việc, ông Hatchett. Tôi kiểm lều khác cũng được.

Rồi liếc mắt về phía Reynolds:

- Hạ sĩ, những ai đi tuần với anh tuần trước, cái đêm mà, à!... tên của hần là gì, cái tay bị bắn chết đêm đi tuần?...

- Berkley, thưa ông! Binh nhất Berkley.

Reynolds nhìn thẳng về phía trước, tránh ánh mắt chúng tôi.

- Còn những tay khác là Watson, Thiel, và Jefferson, thưa ông! Cả Collins nữa, nhưng nó đi công tác ở Cam-ranh rồi, vài ngày nữa mới về. Ông có muốn tôi gọi bọn nó không?

- Thôi, để tôi gọi, còn anh cứ ở lại đây. Tôi mới nhận nhiệm vụ thứ Tư vừa tuần trước... Boggs phân trần với chúng tôi... nên chưa biết hết sinh hoạt ở đây.

Tôi gật đầu. Boggs đi rồi, Reynolds thở ra một hơi dài:

- Chà, tôi muốn đi về nhà cha nó cho rồi, thằng chả làm quá sức, cứ như chết đến nơi không bằng.

- Anh muốn về đâu? Tôi cố giữ giọng nói bình thản, làm như chỉ là một cuộc nói chuyện qua loa vây thôi... về nước hả?

- Muốn quá đi chứ! Fort Dix, ở New Jersey. Tôi được lệnh chuyển về làm huấn luyện viên quân trường cho khóa căn bản. Tôi sinh ra và lớn lên chỉ cách quân trường Dix khoảng chục dặm. Cha ơi là nóng. Từ nhà đến quân trường như thế thì quá tiện.

Hần ngồi phịch xuống chiếc ghế của đại úy Boggs. Trán hói nhẵn, khuôn mặt lạnh như tiền, giọng nói tự nhiên không tỏ vẻ gì sợ sệt. Hình phạt kỷ luật trước đây đối với hần, hình như, chỉ là một trò đùa thay đổi không khí. Hần xếp xếp lại đồng giấy tờ trên bàn và cầm lên tờ giấy báo cáo tồn kho.

- Làm thế quái nào mà tôi biết được thằng nào ăn lương khô nhiều hơn tiêu chuẩn cấp phát? Nếu câu lạc bộ cứ nấu ăn cho ngon đi, thì chẳng có ma nào thèm ăn lương khô. Rồi còn hai cái ống nhôm hồng ngoại tuyến nữa, làm sao tôi biết nó ở đâu?

Hắn vứt tờ giấy sang bên, giọng mệt mỏi:

- Mấy cha thấy không? Cả một đồng bệ bộn. Chán quá, hai tuần nữa tôi bước ra khỏi đây rồi thằng cha Boggs muốn làm gì thì làm. Tôi cóc cần.

Lương khô (đọc là Lerps nhưng tên thật là LRRP = Long Range Reconnaissance Patrol), theo đúng tên gọi là lương thực đã được sấy khô, dễ ăn mà khi hành quân thường mang theo. Một gói lương khô Lerps, nhẹ cân hơn lương khô loại C, nhưng chỉ cần đổ nước sôi vào là có ngay một bữa ăn đầy đủ chất đạm, bảo đảm cho cuộc hành quân dài ngày. Gói lương khô này rất có giá trị trên thị trường, nhất là thị trường chợ đen.

Ống nhôm hồng ngoại dùng vào ban đêm để kiểm soát sự di chuyển của quân địch. Những đêm không trăng thì nhìn không được rõ lắm vì nó dùng ánh sáng phản chiếu từ mặt trăng, nhưng bù lại nó rất hữu dụng khi đi tuần tra. Thật khó mà hiểu được, một đơn vị bị mất hai cái cùng một lúc.

Hạ sĩ Reynolds quay sang chúng tôi:

- Thế các ông muốn biết gì về cái đêm mà Berkley bị bắn?

- Tôi chờ mấy tay kia đến rồi nói chuyện luôn. Thế anh cầm đầu toán đêm hôm đó à?

Hắn nhíu mày. Trông hắn hơi trẻ khi giữ chức xử lý thường vụ thay mặt tay trung úy Macy.

- Tôi chịu trách nhiệm cả toán mỗi đêm, thưa ông..., ông...?

- Hatchett!

Tướng Reynolds to lớn, kèn càng như con bò mộng. Chắc hẳn phải chơi trong đội football trước khi nhập ngũ.

- Ông Hatchett... hẳn hạ thấp giọng, mắt nhìn về phía cửa lều... thường thì tôi cầm đầu toán.

Tám bạt ở cửa lều được vén lên và ba người lính bước vào, hai trắng một đen. Jefferson, anh lính da đen, chắc vừa chùi rửa quân xa vì quần áo sũng nước và dính bê bết bột xà-bông. Thiel, tay nhỏ con nhất trong bọn, mái tóc đen nhánh phủ trên khuôn mặt chạy dọc đôi lông mày thật rậm. Thật khó mà đoán được con người Watson thuộc loại nào; một thằng trẻ măng với vóc dáng to lớn không thua gì Reynolds, tóc vàng hoe, nước da đỏ hồng.

Tôi hất đầu ra hiệu cho Reynolds đứng dậy để nhường ghế cho tôi. Mitch ngồi ở cạnh bàn. Cả bốn tay lính đứng hàng dọc trước mặt chúng tôi chuẩn bị trả lời những câu hỏi, hai tay bắt chéo sau lưng. Tôi đặt câu hỏi chung cho cả nhóm nhưng chú ý quan sát khuôn mặt của từng đứa:

- Tuần qua các anh đi tuần dụng phải địch quân, hai bên bắn nhau và sau đó binh nhất Berkley bị địch quân bắn chết?

- Không hẳn như thế... Hạ sĩ Reynolds điềm tĩnh.

Ba tên kia mắt dán xuống sàn nhà, chỉ có Reynolds trả lời.

- Anh nói rõ thêm được không?

- Vâng, thưa ông. Berkley không phải bị bắn chết trong khi dụng độ. Khi chúng tôi gặp bọn Việt-cộng, Berkley đã chết rồi. Đúng ra nó chính là lý do mà chúng tôi phải bắn xối xả vào bọn Việt-cộng. Nếu nó cứ đi cẩn thận như chúng tôi thì giờ này chắc nó vẫn còn sống. Để tôi nói rõ thêm một chút nhé, ông Hatchett...

Hai tên lính kia, ngoại trừ Thiel, ngẩng đầu lên nhìn về phía Reynolds, xem chừng đang đo lường từng lời nói của tên hạ sĩ.

- Xin anh cứ tiếp tục.

Reynolds đổi thế chân cho đỡ mỏi:

- Việc tuần tra của chúng tôi đêm hôm đó cũng giống như bao đêm khác, nghĩa là đi tuần dọc theo đường mòn khoảng ba nghìn yards đồ lại. Chúng tôi chỉ theo dõi sự di chuyển của bọn Việt-cộng, nếu có, và báo cáo về bộ chỉ huy để họ quyết định, thế thôi. Chúng tôi đã được lệnh không được dụng độ với địch quân. Ông hiểu chứ? Sư đoàn này chỉ có nhiệm vụ theo sát những di chuyển của địch quân dọc theo đường mòn Hồ chí Minh. Nhưng đường mòn này không giống như những đường mòn khác. Đây là cả một hệ thống đường lớn, đường nhỏ, đường rộng, đường hẹp nối dài từ Hà-nội vào đến Sài-gòn và cái đường mòn mà chúng tôi tuần tra chỉ là một phần nhỏ của nó. Chúng tôi đã tuần tra một vài lần trước đó, mỗi khi có lệnh từ lữ đoàn.

Hạ sĩ Reynolds rút ra một điều thuốc, mời chúng tôi rồi tự nhiên châm lửa, hút:

- Berkley đi trước dẫn đường, cách chúng tôi khoảng 50 yards. Nó đứng chờ chúng tôi ở một ngã ba của đường mòn. Đột nhiên tôi nghe tiếng đạn bắn ở phía trước, tôi cố nhìn xem Berkley ở đâu nhưng trời tối quá. Chúng tôi nằm rạp xuống, bò dần về phía trước xem chuyện gì xảy ra. Khi bò đến gần ngã ba thì đã thấy nó nằm lù lù một đồng ngay giữa đường. Và chúng tôi bắn xối xả về phía bọn Việt-cộng.

Watson thêm vào:

- Hoà lực mạnh lắm. Khoảng hơn chục thằng Việt-cộng là ít, phải không Reynolds?

- Ít nhất phải là một tá. Giống như chúng tôi, bọn chúng đi tuần... Reynolds hít một hơi thuốc, ...đĩ nhiên chúng tôi phải bắn trả và tìm cách lấy xác Berkley về. Tôi tin chắc là nó đã chết nhưng chúng tôi không thể bỏ xác nó lại được.

Hắn ngưng nói, đưa mắt nhìn về phía Jefferson. Tôi khuyến khích:

- Rồi sao nữa?

Tôi để ý đến cử chỉ của Thiel. Nó là đứa duy nhất không muốn nhìn thẳng vào mắt tôi và Mitch, ngay cả không dám nhìn đồng bọn của nó. Thiel tỏ vẻ không tha thiết gì với câu chuyện, nếu không muốn nói là không muốn nhắc đến sự việc xảy ra đêm hôm đó. Nó cúi gằm mặt xuống đất, bận bịu bóc từng mảng sơn khô dính trên bàn tay, vo lại rồi ném xuống đất.

Reynolds đưa tay về phía Jefferson:

- Tôi ra lệnh cho Jefferson gọi mấy về lũ đoàn xin mọc-chê yểm trợ để chúng tôi rút về căn cứ. Mấy thằng này bắn che trong khi tôi bò dần lên phía trước. Cuối cùng tôi cũng kéo được xác Berkley về phía sau. May quá, cũng không cần mọc-chê hỗ trợ mà cũng lấy được xác về.

- Như thế là các anh bốn người và Collins đi chung với nhau khi Berkley trinh sát phía trước một mình. Thật may mắn các anh không một ai bị thương trong trận đụng độ bất ngờ đó.

- Đường rừng cây mọc chằng chịt nên chúng tôi dễ rút. Jefferson giải thích.

- Thế anh kéo xác Berkley về bao xa?

- Độ chừng 50 bộ, kéo về phía có con dốc nhỏ là xong. Chỉ xa khoảng đó thôi, phải không Watson? Rồi tôi xốc nó lên vai chạy thẳng về căn cứ Victoria trong khi mấy đứa kia vẫn bắn cản cho tôi. Nhưng bọn Việt-cộng không bám theo chúng tôi, tôi nghĩ khi đụng độ bọn chúng cũng ngạc nhiên không kém gì chúng tôi.

- Anh mang được xác Berkley về là một điều đáng khen.

- Tôi không thể bỏ xác nó lại, thưa ông Hatchett. Nó ở trong tiểu đội của tôi, nó lại là đứa tốt. Tôi thật không đành để nó lại trên đường mòn, dù sống hay chết. Nó là một thằng thật dễ thương.

Tất cả mọi đứa, trừ Thiel, gật đầu đồng ý. Tôi vẫn theo dõi từng cử chỉ của bọn chúng:

- Thế trận đụng độ kéo dài bao lâu? Thiel, anh đoán khoảng bao nhiêu lâu?

Thiel giật mình, ngừng đầu lên, ngơ ngác:

- A, xin lỗi..., xin lỗi... ông hỏi gì?

Reynolds đỡ lời:

- Khoảng 10 phút, có thể 20 phút.

Thiel lẩm bẩm:

- Ủ! Khoảng đó.

Jefferson thở dài:

- Vậy mà xem chừng lâu lắm.

Tôi gật đầu đồng ý. Chúng nó vừa tả lại một cuộc chạm trán bất ngờ, đôi bên bắn nhau khoảng mười phút rồi mạnh ai nấy rút. Tôi không thấy có gì khác lạ trong câu chuyện cả. Không biết phải hỏi thêm những gì, tôi xếp xếp lại đồng giấy trên bàn của đại úy Boggs, ngửa người ra sau nhìn cả bốn thằng cho rõ. Nhìn từng thằng một và ánh mắt tôi dừng lại ở Reynolds:

- Anh kéo xác Berkley thế nào? Anh nắm xác nó ở đâu để kéo?

Hình như biết trước thế nào cũng bị hỏi câu đó, không một chút chần chừ, Reynolds nói:

- Ban đầu tôi nắm dưới nách nó để kéo, nhưng xương bả vai của nó đã bị bể nát nên khó giữ chặt được cả cánh tay, nên tôi nắm lấy cái áo lính kéo về phía sau, như thế này...

Hắn luồn ra đứng ngay phía sau Jefferson, vòng cả hai tay qua vai thằng bạn, túm lấy chỗ túi áo của thằng này và làm cử chỉ kéo ngược về.

- À! ra là thế, anh túm lấy chiếc áo lính để kéo về.

- Thưa ông, đúng vậy.

- Thế chiếc áo có cài cúc không?

- Tôi nghĩ là có... vâng, tôi tin là có cài cúc. Vâng... đúng thế, ai lại mở cúc ra bao giờ!

- Mũ sắt chứ?

- Không, hắn đội mũ thường... Reynolds nhú mày hơi khó hiểu một chút rồi lấy lại được vẻ bình tĩnh ngay... cả giày bột-dờ-sô nữa. Berkley mang giày để lỡ bị chất vắn vì quân phục.

Thiel trông thâm nảo lắm, ngơ ngơ ngáo ngáo như người mất hồn nhưng ba đứa kia khuôn mặt tươi tỉnh hẳn ra khi nghe hạ sĩ Reynolds nói về đôi giày trận. Tôi chẳng thêm để ý, để cho chúng hí hửng vì chúng vẫn chưa biết những chi tiết khác thường trên chiếc áo mà tôi và Mitch đang điều tra. Cứ để cho bọn nó nghĩ là chúng tôi rất tin những lời khai rồi thế nào chúng cũng có sơ hở.

- Thế nó có cột dây giày không?

- Ô! Không. Berkley ít khi buộc dây giày nên nó cứ bị vấp ngã hoài. Nhưng đêm đó, dây giày có buộc, áo cài nút, mũ đội lên đầu....

- Nó có mặc áo giáp?

- Không, Berkley rất ghét áo giáp. Nó nói mặc làm gì khi nó không cần được đạn hoàn toàn. Nó còn nói là mặc áo chỉ bảo vệ được ngực và bụng, còn hạ bộ và mặt phơi ra như thế thì cũng chết.

- Như thế là anh nắm lấy áo và kéo ngược về.

- Rất đúng, thưa ông Hatchett.

Hắn thả mẫu thuốc lá xuống đất, lấy chân dí lên trên cho tắt lửa.

- Sao mấy câu hỏi vừa rồi liên quan đến quân phục không vậy? Thế quân đội lại để ý đến thời trang nữa sao?

Cả bọn chúng nó với khuôn mặt lạnh lùng hướng về phía tôi, chờ câu trả lời. Chẳng có đứa nào để ý đến câu hỏi điều của Reynolds. Tôi dựa người vào thành ghế, quan sát thật kỹ, bình tĩnh trả lời:

- Lâu lâu thì cũng phải kiểm tra về quân phục khi đi ra ngoài. Các anh không nhớ câu nhìn quân phục biết tư cách sao?

Tôi cho đó là một câu trả lời tuyệt vời vì qua mặt được tay cáo già Reynolds. Tôi không muốn nó chú ý đến chiếc áo không có một lỗ đạn của Berkley, cứ để cho nó yên trí về câu chuyện mà hắn vừa kể. Ngay sau khi hỏi xong, chúng tôi theo cả bốn đứa ra ngoài. Đôi mắt tôi vẫn không rời Thiel khi cả đám bước xa dần. Tôi biết chắc là chúng vừa đi vừa cãi cọ sôi nổi. Bước quá khỏi tầm nghe, bỗng nhiên cả đám dừng chân, tôi thấy Reynolds chụp lấy hai bả vai của Thiel, xoay một vòng 180 độ, nói như tát nước vào mặt, chỉ chỉ ngón tay vào khuôn mặt tái mét của thằng Thiel.

Cảnh tượng đó cũng không qua được đôi mắt của Mitch:

- Đáng lẽ chúng ta phải hỏi cung riêng từng thằng để so sánh lời khai.

- Đúng! Đáng lẽ ra là như thế nhưng chúng ta muốn hỏi từng đứa lúc nào chả được. Tôi muốn xem cả nhóm phản ứng thế nào trước. Hơn nữa, anh biết là nếu có chuyện gì xảy ra đêm hôm đó thì bọn nó cũng dựng nên câu chuyện và học thuộc lòng từng chi tiết rồi.

Mitch lẩm bẩm một mình:

- Cái áo không có một lỗ đạn thì kỳ lạ thật? Nếu Berkley có mặc áo, bị bắn chết trong khi đụng độ thì đám bọn Việt-cộng có loại một loại đạn chiến lược nào đó! Hoặc giả, bọn Việt-cộng bắt sống nó, cởi áo ra, cho nó một băng đạn rồi mặc áo lại. Có thể như thế không?

Tôi chép miệng thờ dãi:

- Ước đoán của anh có thể lắm.

Đại úy Boggs tiến về phía chúng tôi. Mitch hỏi băng quơ:

- Con đường này dẫn đi đến đâu?

Trước khi trả lời câu hỏi của Mitch, Boggs hất đầu:

- Xong rồi hả?

- Vâng, xong rồi. Cảm ơn ông.

- Muốn tôi giúp cái gì cứ nói! OK?

- Vậy thì tốt quá. Sáng ngày mai, sau giờ kiểm tra toàn trại, khoảng 11 giờ ông gọi Thiel lên gặp tôi ở đài chỉ huy. Tôi cần nó trong vài tiếng đồng hồ.

- Chỉ thằng Thiel thôi à! Còn những đứa kia thì sao?

- Chỉ thằng Thiel thôi và cũng đừng nói cho ai biết điều này, kể cả thằng Thiel. Cũng đừng cho nó biết trước là ngày mai lên gặp tôi. Gần 11 giờ ông xách nó lên gặp tôi là được rồi. OK?

- Được mà!

Mitch thắc mắc:

- Anh tính làm chuyện gì với thằng Thiel?

- Ngày mai, tôi, anh, Thiel và một vài tay quân cảnh, nai nịt gọn gàng đi ra đến chỗ Berkley bị bắn chết. Thiel là thằng yếu bóng vía nhất trong đám và nó là thằng mà tôi muốn tách rời ra khỏi nhóm để moi thêm một vài chi tiết nữa. Tôi muốn nó chỉ rõ chỗ nào trên con đường mòn Hồ chí Minh mà Berkley bị chết. Bây giờ tôi hoàn toàn đồng ý với Willard. Tôi không nghĩ Berkley bị bọn Việt-cộng bắn chết. Ít nhất là không phải vì trận đụng độ bất ngờ đêm hôm đó.

Những tàng lá rậm đan rợp lối đi trên đường mòn. Ánh nắng chói chan của buổi trưa miền cao nguyên chiếu le loi qua tàng cây hắt xuống đất những đốm sáng mờ ảo trông như đi lạc vào vùng huyền bí.

Con đường mòn khá rộng đủ để chúng tôi bước hàng đôi. Tôi gọi hai người quân cảnh đi trước trình sát mặc dù chuyện đụng độ với bọn Việt-cộng giữa ban ngày ngay gần căn cứ là chuyện khó có thể xảy ra. Bọn Việt-cộng chỉ thích ban đêm. Hai người quân cảnh nữa bọc hậu, còn năm người đi giữa với tôi, Mitch và Thiel. Tất cả chúng tôi đều mang theo súng M16, M-79 và súng phóng lựu để phòng trường hợp xấu nhất xảy ra.

Khoảng một tiếng đồng hồ trước đây, tôi nói với Thiel là muốn hấn dẫn đến chỗ Berkley bị hấn hạ. Hấn tái mặt, gật đầu miễn cưỡng ánh chừng không muốn đến ngã ba tử thần đó một lần nữa. Miệng hấn lẩm bẩm thứ gì tôi nghe không rõ.

Chúng tôi bước trên đường mòn đã khá xa căn cứ. Một anh quân cảnh báo cho tôi biết là có ngã ba đường trước mặt và đang đứng chờ lệnh. Khi đến nơi thì Thiel nói là không phải ngã ba này.

- Có một ngã ba nữa trước mặt... hấn chỉ lối đi bên trái, ...con đường này dẫn đến một cái làng cách đây không xa, về phía đó.

Hấn hắt hắt đầu về hướng đông. Chúng tôi tiếp tục bước sâu vào khu rừng. Bầu trời tối hắt lại, ánh sáng gần như biến mất. Càng vào sâu càng khó thở như thiếu dưỡng khí. Sức nóng hun người không biết từ đâu kéo tới đổ ập trên đầu đám người đang lẫm lẫm bước. Mồ hôi chảy ướt đầm lưng, chúng tôi có cảm giác như bị nhốt vào một phòng tắm hơi đang mở hơi nóng tới đa. Ba mươi phút sau, khoảng hai nghìn yards cách ngã ba đường đầu tiên, Thiel đưa tay ngăn chúng tôi lại:

- Nó nằm chết ở khoảng này...

Hấn xem xét khoảng đất chung quanh, đưa chân hắt hắt lớp lá vàng khô trộn lẫn với đám vỏ cây mục rồi nói thêm:

- Dấu máu của nó vẫn còn đây!

Đúng như lời hấn nói, dưới lớp lá vàng tôi thấy cả một vũng máu khô quánh. Thiel ngồi bệt xuống ven đường, dựa lưng vào gốc cây, gục đầu vào giữa hai đầu gối, đóng đưa thân mình theo một nhịp điệu vô hình nào đó.

- Thế nhánh đường này dẫn đi đâu? Tôi chỉ con đường mòn bên trái.

- Nhánh bên phải đi mãi đến đâu thì tôi không biết, Hà-nội chẳng? Còn nhánh bên trái giao tiếp với một đường mòn nữa trước mặt rồi dẫn đến cái làng mà tôi nói lúc nãy. Đó là đường mòn mà chúng tôi tuần tra. Bọn Việt-cộng đến từ nhánh phải và đụng thẳng Berkley.

- Từ đây đến làng bao xa?

- Không xa đâu, độ mười phút thôi. Đi đến đó bằng xe hơi cũng được nhưng phải lái xe lên gần Phú Biên rồi theo một con đường mòn nữa mới dẫn đến làng được.

Tôi xem xét kỹ lưỡng những tàng lá chung quanh nơi xảy ra trận đụng độ. Tôi thấy có cái gì không ổn, hình như thiếu thiếu một cái gì đó! Một người lính quân cảnh gọi tôi đến và chỉ xuống đất. Trên mặt đất nằm lầy lắt ba vỏ đạn M16. Tôi hỏi Thiel:

- Chỉ có mấy vỏ đạn đó thôi sao? Bắn nhau cả mười mười lăm phút mà chỉ có thể thôi à? Anh có nhớ các anh bắn bao nhiêu băng đạn trước khi lòi được xác thẳng Berkley về không?

- Cả trăm, không chừng cả nghìn.

Thiel nói, đầu vẫn chôn kín giữa hai đầu gối:

- Bọn Việt-cộng, dân chúng quanh vùng đầu để mấy vỏ đạn vương vãi phung phí như thế. Thoáng một cái là chúng nó đến nhặt cho bằng hết. Lấy về để bọn nó còn nhồi thuốc súng vào rồi xài lại, nếu không đem bán ve chai cũng kiếm bạc nghìn. Bởi thế ông chỉ thấy vài ba cái còn sót lại.

Hấn chậm rãi ngẩng đầu lên, nhìn tôi, giọng thiếu nỡ:

- Tại sao tôi đến đây với ông làm gì, hờ ông Hatchett? Chúng ta đang làm gì ở đây? Nha điều tra tội ác có bao giờ rắc rối như thế đâu! Berkley đã chết! Nó bị bắn chết trong khi đụng trận. Ngay tại đây. Bởi mấy thằng Việt-cộng. Đơn giản chỉ có thế! Chuyện bé mà sao ông xé ra to vậy?

Không để ý đến Thiel, một lần nữa, tôi xem xét thật kỹ cây cối mọc um tùm xung quanh. Trong rừng núi miền tây bắc Pennsylvania, quê của tôi, cây cối cũng mọc chằng chịt và rậm rạp mặc dù không bằng ở cánh rừng nóng nung người này. Khi nghĩ đến những cánh rừng ở quê nhà, tôi chợt thấy cái thiếu thiếu mà tôi không bắt được lúc nãy, khi nó vừa loé lên trong trí. Tôi hỏi Thiel dồn dập:

- Berkley nằm đây, trên đất còn đọng lại vũng máu. Reynolds lòi xác nó về trong khi các anh bắn cản cho nó. Hàng nghìn viên đạn bắn ra cùng một lúc. Mười hai thằng Việt-cộng, năm người chúng ta, mỗi đứa bắn ít nhất là hai ba băng đạn, tổng cộng đến hơn năm mươi băng đạn, mỗi băng đạn có hơn hai mươi viên. Anh nói hàng nghìn viên là đúng lắm, Thiel...

-...và anh thấy Reynolds kéo xác thằng Berkley về, đúng không? Nó nắm lấy áo thằng Berkley kéo về, thế lúc đó anh ở đâu?

Thình lình Thiel nổi xung:

- Thì vòng vòng chỗ này thôi, không xa hơn! Ông Hatchett. Tôi không biết ông đã tham dự bao nhiêu trận đánh rồi, nhưng ông biết là khi đụng độ, ông chỉ biết mỗi việc bắn ào ào vào chúng nó, tai không còn nghe, mũi không còn ngửi được gì ngoài mùi thuốc súng, người ông như mê đi, đâu còn biết gì xảy ra chung quanh. Ông hiểu chứ?

Ông chỉ biết là bắn thật nhiều để kiếm đường rút, để sống sót. Hôm đó tôi và mấy thằng kia cũng làm như thế trong khi Reynolds cố kéo xác thằng Berkley về.

Tôi để cho nó xả một hơi cho đỡ tức. Đây đúng là thời điểm tôi phải cho nó biết có cái gì không ổn trong lời khai của cả bọn. Nói cho nó biết để nó ngậm bồ cái miệng lại, để cho nó về nói lại với đồng bọn là chúng mày còn ngu lắm, đặt chuyện mà quên đi một chi tiết quan trọng. Tôi đã tìm thấy lỗ hổng của câu chuyện, mặc dù chưa biết tại sao Berkley chết, nhưng ít ra nó cũng làm tôi thỏa mãn được một phần trong việc điều tra.

- Anh nói đúng, tôi chưa bao giờ bị đụng trận bất ngờ như các anh. Nhưng vẫn có một điểm không đúng trong lời nói của các anh...

Thiel cướp lời, to tiếng:

- Cái gì mà không đúng? Không đúng chỗ nào? Thằng Berkley nằm chỗ này. Nhìn vũng máu kia! Ông cũng tìm thấy mấy vỏ đạn. Thế cái gì không đúng? Hay là cây cối chung quanh đây mọc không đúng? Con đường mòn không đúng? Cái gì? Cái gì không đúng, ông nói cho tôi nghe coi!

Tôi nhìn thẳng vào mắt Thiel, muốn cho nó biết là điều tôi sắp nói ra đây rất nghiêm trọng; tôi đã suy nghĩ cẩn trọng khi tiết lộ điều này. Tôi nói rõ từng tiếng một:

- Trong một vùng nho nhỏ như thế này, cây cối mọc chẳng chặt, hàng nghìn viên đạn bắn ra, thế mà không thấy một nhánh cây nào bị gãy, không một thân cây nào bị xước, cũng chẳng có một lá cây tươi nào rụng. Anh thấy có lạ không? Thiel. Anh giải thích cho tôi nghe, làm sao trong một khu vực nhỏ xíu bằng cái bàn tay, các anh và địch quân bắn hàng nghìn viên đạn, mà cảnh vật vẫn còn nguyên vẹn, không thấy trụt một chút nào. Thế các anh và mấy thằng Việt-cộng dùng loại đạn gì vậy?

Thiel trừng trừng nhìn tôi thật lâu, lâu lắm; miệng há hốc biểu lộ sự kinh ngạc, khuôn mặt co rúm lại tạo thành nhiều vết nhăn trên trán, mồ hôi nhỏ từng giọt hai bên thái dương, có lẽ vì sức nóng. Đôi mắt hấn hướng về phía mấy nhánh cây rồi lại nhìn qua tôi. Một bên mép hấn giật liên hồi như bị kinh phong. Cuối cùng hấn chôn mặt vào giữa hai đầu gối, giọng thều thào:

- Tôi... không biết! ...Tôi không biết!

Tôi quay sang Mitch và mấy người quân cảnh:

- Thôi đi về! Ngày mai chúng ta sẽ đi thăm cái làng đó!

Thiel mệt mỏi đứng dậy, phúi quần cho rũ bụi:

- Thế ông lại bắt tôi đến cái làng chó chết đó nữa phải không?

- Không! Chúng tôi đi một mình được rồi.

Bữa tiệc sinh nhật trong khu vực của ngành Quân Báo trung đoàn đang tung bừng náo nhiệt khi tôi về đến căn cứ, sau khi gọi phôn cho Nha Điều Tra Tội Ác để báo cáo diễn tiến cuộc điều tra. Nhiệm vụ của ngành Quân Báo (Military Intelligence) là hội cung đám tù nhân chiến tranh (POW) và nhiệm vụ của ngành Quân Cảnh (Military Police) là canh giữ tù, vì thế ban chỉ huy của hai đơn vị thường được sắp xếp bên cạnh nhau. Bộ phận tách rời của ngành Quân Báo tại căn cứ Victoria gồm có Tom Fingers, người ăn mừng sinh nhật hôm nay, viên sĩ quan Summers, và ba người nữa. Những người này, cùng với Mitch và hai người quân cảnh đang ngồi uống bia ở sân cỏ phía ngoài lều chỉ huy. Tom Fingers uống đã ngà ngà khi tôi đến.

Ở Việt-nam, đôi khi chúng tôi quên hẳn cuộc chiến tranh tàn khốc đang xảy ra trên khắp đất nước miền Nam, giây phút này là những lần hiếm hoi đó. Lính tráng bỏ hết công việc, ngồi quây quần lại với nhau trong một buổi chiều gió heo may dưới bầu trời đầy mây xám, uống bia, nói chuyện tếu, và nướng thịt sườn.

Summers hỏi khi tôi vừa ngồi xuống ghế nhập bọn:

- Mitch có nói với tôi là anh đề ý đến Bravo 457.

- Bravo 457?

- Đó là địa danh chúng tôi gọi cái làng nhỏ mà anh muốn đến ngày mai. Làm thế nào thì cũng phải có một cái tên chứ! Nói đến Bravo 457 thì ai cũng hiểu.

- Thế anh có rành cái làng đó không?

Summers, vừa mới tốt nghiệp trường Luật thì bị động viên, trông trẻ măng và dáng thư sinh mặc dù khoác áo lính phong trần với mái tóc ngắn cũn cỡn. Giống như tôi và Mitch, Summers không mang cấp bậc nhưng tôi đoán hẳn ít nhất phải đeo lon trung úy, hoặc giống tôi, chuẩn úy. Summers ngồi ngó ngoáy không yên, hai chân bắt chéo:

- Chúng tôi có một tay cung cấp tin tức tuyệt khéo tại Bravo 457. Chúng tôi tạt ngang đôi lần, hỏi chuyện những người trong làng, từng người một – dĩ nhiên – để không ai biết người nào đã cung cấp tin tức về sự di chuyển của bọn Việt-cộng trong vùng. Dân làng – phần lớn là đàn bà, con nít, và ông già – không tin cậy lắm và họ gần như bất hợp tác nhưng chúng tôi cũng kiếm được người chịu bán tin tức, mà lại tin tức chính xác nữa chứ. Mấy tháng trước đây thì thằng nhỏ đó vẫn còn dùng được.

- Còn những người khác theo Việt-cộng à?

Summers nhả mặt:

- Khó nói lắm. Có thể theo Việt-cộng, cũng có thể chính họ là Việt-cộng, hoặc có thể họ không muốn dây dưa với lính Mỹ cũng như Việt-cộng. Một điều hiển nhiên là họ thích đô-la nhưng theo nhận xét của tôi thì họ muốn được yên thân, không muốn đụng chạm bên nào cả. Thế anh muốn biết gì về cái làng đó, Hatch?

- Tôi chỉ muốn quan sát thôi. Đứng ra tôi muốn biết đó có phải là nơi bọn lính đến xả trại không? Đại khái nghĩ chân uống loong bia, tán gẫu với dân làng...

- Tôi không hiểu rõ điều anh muốn nhưng tôi nghĩ, nếu anh OK, tôi, Fingers, một người nữa cùng với tay thông dịch sẽ đi với anh đến cái làng đó ngày mai. Lâu lắm rồi tôi chưa ghé qua đó và tôi không biết tình trạng thẳng nhỏ cung cấp tin tức ra sao?

- Sao?

- Độ hai tháng nay tin tức thẳng nhỏ đó cung cấp không còn chính xác nữa. Trước đây chúng tôi mua được những tin tức đáng đồng tiền bát gạo lắm. Gần đây có nghe báo cáo bọn Việt-cộng di chuyển dọc theo đường mòn tiến vào làng, thế mà thẳng nhỏ lại nói là không có một tên Việt-cộng nào lai vãng gần khu làng cả. Tôi e rằng nó đã đi theo phía bên kia. Lâu lắm rồi chúng tôi không dùng đến nó.

- Thế mấy cái báo cáo kia chính xác đến độ nào?

- Chắc chắn phải chính xác 100%. Một đơn vị của sư đoàn. Họ gởi đội tuần tra ra ngoài mỗi khi chúng tôi ra lệnh qua lữ đoàn.

- Anh nói là đơn vị cỡ như đơn vị 2/11 của hạ sĩ Reynolds?

- Tôi không thể nói rõ với anh được, lệnh bảo vệ bí mật nhưng cũng gần gần như thế. Còn chuyện ngày mai thì sao? Anh có muốn chúng tôi tháp tùng không?

- Ồ! Thế thì tốt quá đi chứ!

Sommers cung loong bia với tôi, nói thêm:

- OK, anh sẽ không hối tiếc đâu. Nếu anh muốn moi thêm tin tức mà không cần phải hỏi han gì hết thì phải nhờ đến tay Fingers...

Sommers vừa nói vừa vỗ vỗ vào vai Fingers:

- ...hắn ta có biệt tài làm được chuyện đó giúp anh... phải không Fingers?

Fingers uống đã nhiều, có lẽ đã say nên không trả lời câu hỏi của Sommers. Đầu gật gù, Fingers đề tay vào thành ghế đang cố đứng lên, rồi khật khưỡng bước đi. Nhìn con người say mèm của Fingers, thật khó mà đoán được hắn có biệt tài gì.

Sommers quay sang phía tôi:

- Ngày mai chúng ta lái xe đến đó sau buổi cơm trưa.

- Tôi nghĩ chúng ta nên cuộc bộ. Có con đường mòn dẫn đến làng mà tôi muốn quan sát thêm.

Sommers nốc cạn hớp bia cuối cùng và thấy Fingers khệ nệ khiêng tới một thùng bia nữa:

- Cuộc bộ hả? Chúng ta cuộc bộ được không, Fingers?

Fingers lè nhè:

- Cái gì? Cuộc... cuộc... bộ hả? Cố... thì cũng... được.

Con đường mòn từ chỗ ngã ba hôm qua, nơi Berkley nằm chết, dẫn đến làng không có gì đặc biệt. Khúc đường này tuy chật hẹp hơn, nghèo nàn hơn nhưng lại đồ dốc nên ai nấy đều bước đi thoải mái.

Đến xế trưa thì chúng tôi bước vào làng. Sommers nói với tôi rằng vào làng mà mang theo cả tiểu đội quân cảnh sẽ không moi được tin tức gì đâu. Làm như thế có vẻ dẫn mất dân làng quá, để họ ghét rồi thì cạy mồm họ cũng không nói. Nhưng anh đừng lo, cứ bỏ tiểu đội quân cảnh lại đi, tôi luôn luôn có hai trung đội đóng quân chỉ cách khu làng có một dặm về hướng Phú Biên. Có chuyện gì xảy ra, họ sẽ tiếp ứng ngay trong vòng hai phút.

Chỉ có năm sáu cái nhà đồ nát, mọc xiêu vẹo nằm sâu mãi gần cánh rừng, tiếp giáp với làng; còn những căn khác, tương đối vững chãi hơn, nằm theo một hàng dọc, chạy sát bìa rừng. Những căn nhà này được dựng lên bằng những miếng gỗ dán (plywood) khá to đã bị gãy bể, những loong thiếc, những thùng đồ hộp, những vỏ kiện hàng, nghĩa là bất cứ cái gì nhặt được từ đồng rác của căn cứ để có thể chấp vá thành một căn nhà, nên trông thật tồi tàn, chật hẹp và ẩm thấp. Những đám khói dày đặc xám xịt từ bếp nấu lan rộng trong không khí rút hết phân tử oxygen. Lãng đàng trong không khí, vương vãi một mùi hăng hắc khó chịu, mùi mốc meo quện lẫn với mùi hôi thúi của phân người và phân súc vật, mùi người lâu ngày không tắm. Tất cả xốc vào mũi làm tôi ghẹt thở.

Dân làng gồm khoảng 24, 25 người. Họ không mấy chú ý khi chúng tôi từ con đường mòn tiến vào khu làng. Khoảng mười căn nhà nằm san sát bên nhau, chỉ riêng một cái đứng sừng sững, trông biệt lập so với những cái khác đánh mạnh vào sự tò mò của tôi ngay tức khắc. Căn nhà này tương đối mới dựng lên, hình như chưa có ai ở. Cái làm tôi chú ý nhất là những tấm gỗ dán to bản, còn nguyên si, mới toanh, được dựng lên vững chãi.

Khoảng vài chục đàn bà và ông lão cúi gập người trên những đồng lửa nướng lộ thiên, hoặc ngơ ngác đứng dưới mái hiên nhìn chúng tôi đi qua, dăm người đàn bà ngồi bệt dưới đất ôm con vào lòng, những đứa con đôi mắt cũng ngơ ngác không kém gì mẹ chúng. Riêng tiếng khóc bi ai của một người đàn bà cồm cồm vang lên giữa buổi xế trưa nắng quái đâm thẳng vào tai mọi người làm tất cả đều phải quay lại nhìn.

Người đàn bà ngồi xồm trước ngạch cửa trông ốm yếu, quần áo bạc phếch. Một tay ôm lấy ngực như muốn đè nén nỗi đau đớn, tay kia thả rờ trước mặt. Bà chùi nước mắt, vừa khóc vừa kể lể, tiếng than van nghe thật thảm thiết. Đôi khi trong lúc khóc than, bà đưa những ngón tay xương xẩu cào cào trong không khí như muốn nắm giữ

lấy một cái gì đó vô hình trước mặt. Tuy chúng tôi không hiểu bà than khóc gì, nhưng nhìn bà cũng đủ hiểu những đau đớn bà phải gánh chịu, một nỗi cô đơn cùng cực mà phận người phải chịu đựng đày theo năm tháng.

Khi chúng tôi bước vào làng, không hiểu lý do gì mà bà cứ nhìn tôi chăm chăm như muốn thổ lộ điều gì đó. Tiếng khóc than của bà làm chúng tôi đi chậm lại. Khi đi ngang nhà, bà đứng dậy, lấy tay áo quệt giòng nước mắt đang rơi lã chã trên khuôn mặt nhăn nhúm lớp da mồi. Tiếng khóc bỗng dịu xuống, bà đưa mắt nhìn theo tôi, khá lâu, rồi đột nhiên lại bật lên tiếng khóc nghe thảm thiết hơn, náo nề hơn bao giờ. Tôi bước về phía căn nhà cuối dãy mà bà vẫn đứng đó, đôi mắt dõi theo bước chân của tôi.

Sommers, người thông ngôn, và một người quân báo đang kéo một ông lão đứng riêng ra để hỏi chuyện. Fingers cứ cầm cúi rào bước loanh quanh như người đi lạc đang tìm đường về. Trông Fingers thật vô dụng giữa số người chúng tôi, đang bận bịu với công việc. Hình như cơn say hôm qua vẫn còn văng vất nên Fingers không được tỉnh táo lắm. Hắn yên lặng, đi đi lại lại giữa đám dân làng, mồ hôi nhỏ ướt cả khuôn mặt.

Mitch và tôi đứng ngay cửa căn nhà vừa mới dựng. Tấm gỗ dán còn in nhãn hiệu Mỹ, mới toanh như vừa kéo trong kho quân nhu ra chứ không phải những tấm vá vúi nhặt từ đồng rác. Cánh cửa đóng nhưng không khoá, tôi lấy chân đẩy cánh cửa vào. Cánh cửa hé đủ rộng để tôi thấy căn phòng ngoài thật rộng rãi, sàn nhà nhóp nhúa, dọc theo tường xếp một dãy gỗ dán, còn nguyên, từng tấm to đứng dựa vào tường. Phía góc phòng có kê một cái bàn nhỏ và hai chiếc ghế. Cuối căn phòng lớn có hai cánh cửa nữa, có lẽ dẫn vào hai căn phòng khác, nhỏ hơn. Tôi không thấy nồi niêu xoong chảo dùng để nấu ăn, không một vật dụng cá nhân, không một ảnh tượng của tôn giáo nào, không thấy nệm để ngồi, cũng không có phòng ăn riêng biệt; tóm lại căn nhà trống không. Tôi chợt có cảm giác căn nhà này không phải là để ở, mà là một địa điểm buôn bán, một quán rượu, hoặc một căn nhà thổ tương tự như những ổ nhện mọc nhan nhản ở Phú Biên.

Liếc đuôi mắt về phía sân làng qua đám khói tỏa lên từ những đồng lửa đốt bằng gỗ tạp, tôi ngạc nhiên khi thấy Sommers và người thông ngôn đang rào bước về phía chúng tôi, nhanh chóng hoàn tất công việc thu lượm tin tức từ đám dân làng. Cũng như tôi, khi bước ngang căn nhà người đàn bà đang ngồi khóc, Sommers quay đầu nhìn dáng người đàn bà tiều tụy, trong khi bà vẫn khóc lóc thở than và đôi mắt vẫn không ngừng theo dõi mọi hành động của tôi.

Khi dùng chân đẩy cửa, tôi đã thấy vương vương cái gì ở bên trong, nên không thể mở toang cánh cửa được. Ghé mắt nhìn, tôi thấy một lớp đất tươi dày cộm rải đều ngay phía sau cánh cửa. Lần này thì tôi dùng tay đẩy, đẩy mạnh cho đến khi cánh cửa mở toang hẳn ra.

Bên trong, ngay phía sau giá bếp, tôi thấy một dãy ly đã được rửa sạch úp ngay ngắn, một hộp thìa quấy cocktail dùng dang dở, một thùng đá lạnh còn đọng nước đá tan nằm ngay dưới đất, nhưng không thấy bia rượu đâu. Hai ngọn đèn dầu hơi ở ngay phía sau giá pha rượu. Tôi bước sâu về phía hai cánh cửa của căn phòng nhỏ. Đúng như tôi dự đoán, cái mà tôi nghi ngờ đã thành sự thật, ở trong hai căn phòng này chỉ thấy toàn là giường.

Mỗi phòng chứa hai cái giường làm bằng gỗ kê sát vách tường, đối diện nhau. Một tấm nệm mỏng phủ tấm drap trải giường đã ngả sang màu cháo lòng, và một chiếc gối nhỏ cũng đã cấu bẩn. Giữa hai chiếc giường là một sợi giây thép chạy suốt chiều dài của căn phòng, một tấm chăn mỏng được treo lên như một tấm màn ngăn đôi căn phòng để mỗi bên đều cảm thấy kín đáo. Ở phía cuối giường có chiếc bàn đêm cũ rích làm bệ cho một thau nước, gần đó vài chiếc khăn tắm, giẻ chùi nằm vương vãi trên thành giường, và những móc treo quần áo được đóng chặt vào thành gỗ. Chắc chắn một lần nào đó đã có người máng chiếc áo lính lên một trong những cái móc này.

Tôi kiểm soát lại hai căn phòng xem có gì chứng minh đã có một anh lính Mỹ đến đây nghỉ chân, – mẩu tàn thuốc lá, quần áo cũ, những vỏ đồ hộp, loong bia, tạp chí Mỹ – nhưng tuyệt nhiên tôi không thấy một thứ gì, ngoại trừ giá pha rượu và bàn ghế thừa thớt đặt trong phòng.

Bước ra ngoài, tôi neho mắt để căn bớt ánh sáng và suýt đụng phải một ông già đang nói huyền thiên với người thông ngôn. Sommers và Fingers đang đứng gần đó, lắng nghe. Tôi hơi ngạc nhiên khi nghe người thông dịch nói với tôi:

- Ông già này muốn nói chuyện với anh. Ông ta muốn nói với nhân viên của nha điều tra tội ác.
- Cái gì? Ông già này hả?

Tôi băn khoăn tự hỏi sao ông già có thể phân biệt được Sommers, người của Quân Báo và tôi, nhân viên điều tra tội ác. Và tôi chợt nhớ đến người đàn bà nước mắt doanh tròng, mãi đắm đắm nhìn tôi từ nãy giờ. Tôi nhìn qua vai ông già, bà đứng bất động, tiếng khóc đã ngưng bật nhưng vẫn chăm chú nhìn chúng tôi.

Tôi hỏi người thông ngôn:

- Làm sao ông ta biết tôi là ai?

Người thông ngôn chuyển dịch câu hỏi, ông già trả lời ngay. Tay thông ngôn quay sang tôi:

- Ông ta nói là ông Tiger cho ông ta biết.
- Ồ! khoan đã...

Sommers chụp lấy vai tôi, ra hiệu cho tôi lui về phía sau. Sommers ngoắc tay gọi Tom Fingers và Mitch. Chúng tôi đứng riêng hẳn ra một chỗ, không muốn cho ai nghe những gì trao đổi. Người thông ngôn vẫn đứng lại với ông già. Người đàn bà đưa mắt nhìn theo chúng tôi.

Sommers nhướn mắt về phía tôi:

- Anh có biết Tiger không?

Tôi lắc đầu:

- Tôi đang cố hiểu tại sao ông già lại biết tôi?

Fingers bây giờ mới xen vào:

- Tất cả dân làng ở đây đều biết anh là ai. Họ còn biết anh đến đây làm gì nữa kia!

Tôi đứng như trời trồng, miệng há hốc biểu lộ sự ngạc nhiên thật sự:

- Tại sao anh biết họ biết tôi?

Sommers giải thích:

- Tôi đã nói với anh là Fingers này có biệt tài, một trong những biệt tài của tay quân báo này là nói thông thạo và hiểu rành tiếng Việt. Fingers cứ lảng vảng ở chỗ người thông ngôn hỏi chuyện và nghe ngóng dân làng kháo chuyện nhau. Họ đâu có biết Fingers rành tiếng Việt nên tha hồ nói với nhau mà không giữ ý tứ. Ngay cả tay thông ngôn cũng không biết Fingers rành tiếng Việt. Chúng tôi bắt được những tin tức quan trọng cũng là nhờ Fingers nghe lén như thế.

Tôi nhìn Fingers cảm phục. Hoá ra lúc này Fingers cứ quay đi quay lại chỗ đám dân chúng, tôi lại cứ ngỡ anh ta còn văng vẳng con say tuý lúy hôm qua.

- Thế anh nghe họ nói gì về tôi?

- Họ biết anh là nhân viên điều tra tội ác và đến đây để điều tra về cái chết của người lính Mỹ xảy ra tại làng này tuần trước.

- Ngay cả bây giờ tôi cũng không dám chắc là Berkley chết ở đây. Thế có ai nói chắc chắn về chuyện đó không? Có người nào thấy sự việc xảy ra không?

- Không! Nhưng chúng ta biết chắc là chuyện đó đã xảy ra tại đây.

Tôi không đoan quyết lắm, nhưng màn bí mật đã được hé mở dần dần. Tôi lẩm bẩm một mình:

- À! Thằng Thiel, chỉ có mỗi nó biết là mình sẽ đi đến làng để điều tra. Đúng rồi, chính nó đã nói cho những đứa khác, rồi một đứa trong bọn lại đi nói với tay nào đó tên Tiger. Nhưng, thằng cha Tiger là ai? Tôi đặt câu hỏi với Sommers.

- Việt-cộng một thời. Ít ra là chúng tôi nghĩ như vậy. Tiger chỉ là tên riêng thôi. Hắn kinh doanh rất thành công, là một người tai to mắt lớn ở Phú Biên. Và nếu tin tức của chúng tôi đúng, hắn là cán bộ cao cấp Việt-cộng. Nó là kẻ thù của chúng ta. Tin tôi đi, Hatch!

- Thế dân làng ở đây có biết Tiger là Việt-cộng không?

Sommers trầm ngâm:

- Có thể là không! Đối với họ, hắn chỉ là một người buôn bán, một người dân, một vị anh hùng, một người tạo ra tiền cho dân chúng trong làng. Hắn không đại gì mà đi tuyên bố với dân làng hắn là Việt-cộng. Đây là lần đầu tiên tôi thấy hắn dính líu vào một cái chết. Đối chiếu lại những tin tức trước đây, mọi việc đều rõ ràng lắm rồi.

- Rõ ràng thế nào?

- Thằng nhỏ cung cấp tin tức cho chúng tôi đã chết, Hatch! Mấy tối hôm trước, bọn Việt-cộng vào làng ban đêm mang thằng nhỏ đi, dùng mã tấu chém chết. Đó, người đàn bà mà chúng ta thấy lúc này là mẹ nó, khóc lóc than van thương con cả mấy ngày nay.

Tôi nhìn trở lại người đàn bà thì không thấy nữa, có lẽ bà đã chui vào căn nhà tối tăm, chật hẹp.

- Cha mẹ của bà ta nghe đâu bị lính Tây giết thời đánh nhau với Việt-minh. Chồng của bà lại bị lạc đạn chết, chẳng biết là đạn Mỹ hay đạn Việt-cộng nữa, khi bọn Việt-cộng chiếm Phú Biên vào dịp Tết Mậu Thân. Đúng là trâu bò húc nhau ruồi muỗi chết. Và bây giờ, đứa con duy nhất lại bị mấy thằng Việt-cộng giết. Bên nào cũng có thù riêng cả, nên chẳng biết bà theo mình hay theo Việt-cộng?

- Tôi nghĩ là bà ta chẳng theo bên nào hết.

Sommers gật đầu:

- Đúng thế!

- Tôi phải điều tra thêm ông già còn biết gì nữa không?

- Cần thận! Cứ tảng lờ đi như không biết gì về Tiger. Hắn chỉ là dân buôn bán thôi. Chúng ta cũng nên để nó tin là mình chỉ biết hắn đến thế, không hơn không kém. Sẽ có lợi hơn cho chúng ta sau này. Những tin tức ông già sắp nói chắc chắn phải mất tiền mới mua được, vì thế ông già mới đòi gặp anh cho bằng được.

- Bao nhiêu, anh biết không?

- Còn tùy vào lòng tham của ông già. Nếu anh cần tiền, tôi có một mớ đây, lấy mà xài.

Sommers móc trong túi quần ra một đồng giấy bạc trăm dúi vào tay tôi:

- Đừng trả hồ quá! Trả hết từng đó là được rồi. Cả năm đó cũng đáng năm sáu tháng lao động của ông ta rồi.

Thoạt tiên, tôi hơi ngần ngại về việc mua tin tức, vì ông già có thể là một nhân chứng tương lai. Trả tiền cho nhân chứng thì trái luật. Bọn quân báo thì không sao, còn tôi thì không được. Mặt khác, nếu ông ta không khai những chi tiết quan trọng như – tên, ngày giờ, hoặc ông ta có chứng kiến chuyện Berkley bị chết – thì uổng quá. Thôi thì liều phạm luật vậy.

Những tin tức tôi thu lượm được từ ông già không như mong ước nhưng cũng không đến nỗi tệ. Với những tin tức đó, ông ta không thể là một nhân chứng hùng hồn tại toà án quân sự được. Miệng ông già ngậm một dục tẩu,

phì phèo nhả một luồng hơi thuốc có mùi hăng hắc làm tôi khó chịu phải đứng xa cả vài tay. Ông ta xếp cẩn thận mở tiền tôi vừa xoe ra, cất vào túi áo rồi buông thõng một câu:

- Có mấy người lính Mỹ đến đây ban đêm.

Tôi đánh hơi đã hỏi đúng chỗ, nói với người thông ngôn:

- Hỏi xem bao nhiêu đứa? Chúng chỉ đến ban đêm thôi sao?

Ông già đưa sáu ngón tay lên cho tôi thấy. Người thông ngôn nói thêm:

- Chỉ ban đêm mà thôi. Mấy người lính đến từ con đường mòn như các ông.

Đến lượt ông già lại liến thoắng một lúc với người thông dịch. Anh thông dịch quay sang tôi:

- Ông ta nói mấy người lính đến đây ban đêm và ở lại với mấy cô gái điếm được ông Tiger lái xe chở từ Phú Biên đến vào buổi chiều. Sau đó, ông Tiger rời làng. Mấy anh lính Mỹ không đến đây mỗi đêm nhưng nếu đến thì luôn luôn ở lại suốt đêm cho đến tảng sáng mới ra về. Rồi ông Tiger trở lại làng để chở mấy cô gái điếm về Phú Biên.

- Thế ông ta có biết gì về vụ nổ súng tuần trước không? Xảy ra lúc nào? Ông ta có chứng kiến không?

Lại chờ một vài phút tôi mới nghe câu trả lời qua người thông dịch:

- Ông ta nói là chuyện xảy ra tuần trước. Ông ở trong nhà nên không biết rõ lắm. Ông ta chỉ nghe tiếng súng nổ từ phía nhà ông Tiger, nơi mà mấy anh lính Mỹ ngủ lại với mấy cô gái. Ông ta nhớ là khoảng năm sáu phát súng gì đó. Nhưng không nổ cùng một lúc, nổ từng tiếng một nên ông ta mới đếm được rõ ràng. Rồi từ căn nhà chòi ông thấy đám lính Mỹ chạy ra khỏi nhà cồng trên vai một anh lính nữa. Họ chạy ngược lại lối đi họ đến lúc tối.

- Thế ông ta có biết nhận diện được mấy người lính Mỹ đó không? Trắng hay đen?

- Không, trời tối quá nên ông ta không thấy mặt mũi ra sao cả.

Tôi chỉ vào huy hiệu của sư đoàn sáu được thêu trên ve áo:

- Hỏi ông ta xem bọn nó có mang huy hiệu này không?

Thật sự có đến hàng trăm huy hiệu khác nhau trong vùng này nhưng tôi muốn biết ông ta có thấy những huy hiệu tương tự hay không để dẫn suy luận của tôi đến tiểu đội 2/11. Ông già lắc đầu nói no... no. Vậy là ông ta chưa bao giờ thấy một huy hiệu nào gần gần như thế.

- Ông ta còn thấy gì nữa vào đêm đó?

Một lô tiếng Việt trao đổi qua lại, và tôi được thông dịch là ông ta chỉ biết đến thế thôi. Tôi tóm lược những chi tiết vừa được nghe:

- Tuần qua ông ta nghe nhiều tiếng súng bắn từ căn nhà của ông Tiger rồi một đám lính Mỹ chạy ra ngoài mang theo một cái xác và những người này chỉ đến vào ban đêm để du hí, nhưng không phải mỗi đêm, dịch vụ du hí do ông Tiger cung cấp?

- Đúng thế, thưa ông!

Anh thông ngôn này không những làm nhiệm vụ chuyển dịch mà còn dùng sự hiểu biết riêng để cân nhắc, đo lường mức độ chính xác của những lời khai. Vì thế, tôi hỏi anh:

- Anh có tin tưởng ông già này không?

- Vâng! Tôi tin là ông ta nói sự thật.

- Còn chuyện này nữa. Hỏi xem ông Tiger cho ông ta biết về tôi lúc nào? Và cho biết những gì?

Phải chờ một lúc tôi mới nghe được câu trả lời:

- Ông ta nói là Tiger lái xe jeep từ Phú Biên đến làng sáng nay. Chính ông ta là người giúp thẳng cha Tiger khiêng những thùng giấy từ căn nhà chòi chất hết lên xe. Ông ta không biết mấy cái thùng đó chứa cái gì, nhưng rất nặng. Tiger nói là phải mang những cái thùng giấy này ra khỏi đây ngay vì hôm nay sẽ có một ông Mỹ cao cao đến đây để điều tra những chuyện đã xảy ra tuần trước. Tiger nói là không muốn nói chuyện với nhân viên điều tra tội ác.

- Bao nhiêu thùng? Lớn cỡ nào?

- Ông ta nói khoảng mười thùng. Lớn lắm, gần như không chất lên hết xe của Tiger.

- Thế Việt-cộng có thường lai vãng khu này không?

Sommers xen vào ngay:

- Ê! Hatch, bước qua lãnh vực của quân báo rồi đấy nhé!

- Xin lỗi, nhưng cho phép tôi hỏi vì đây là câu hỏi cuối cùng.

Anh thông ngôn ngành quân báo liếc nhìn Sommers để chờ lệnh cho phép hỏi hay không. Sommers gật đầu nhẹ sau khi nói chỉ một câu đó thôi nghe bạn. Tôi được chuyển dịch một chút sau đó:

- Không, ông ta không thấy Việt-cộng đến đây bao giờ cả.

Người thông dịch đưa tay sửa lại cái nón sắt cho ngay ngắn, nói thêm:

- Ông ta nói dối chuyện này, ông Hatchett.

Trước khi rời làng trở về căn cứ, chúng tôi hỏi toàn thể dân chúng trong làng là có ai nghe thấy chi tiết nào liên quan đến vụ nổ súng nữa không? Tôi chỉ thấy những bộ mặt ngờ ngác, nhìn chúng tôi chòng chọc. Khi bước ra khỏi khu làng, tôi liếc mắt về phía cái chòi của người đàn bà. Bà ta lại xuất hiện trước cửa chòi, ngồi xồm, đong đưa thân hình, hai cánh tay ôm vòng hai đầu gối xương xẩu, lọn tóc rối loà xoà trước trán, đôi mắt tròn trũng, vô hồn dõi theo mỗi bước chân của tôi cho đến khi chúng tôi mất hút ở đầu dốc của con đường mòn.

Sommers, Mitch và tôi đi thụt lùi lại phía sau để bàn chuyện trên đường về căn cứ Victoria. Sommers lên tiếng:

- Chuyến đi này thu thập được nhiều chi tiết quan trọng.

- Vâng! Nếu tin lời của ông già, thì chắc chắn chuyện xảy ra tại đó. Tôi chỉ thắc mắc tại sao nó xảy ra và ai là người bắn. Vấn đề lớn của tôi bây giờ là phải chứng minh được Reynolds và cả tiểu đội của nó có mặt tại nhà thằng cha Tiger đêm hôm đó. Chỉ cần chứng minh như thế là đủ rồi. Tôi cần phải lột mặt nạ mấy thằng ăn chơi trác táng này trước toà. Nói thì nói vậy nhưng chuyện không dễ, nhưng với vài kỹ thuật hỏi cung, tôi hy vọng là sẽ dùng Collins để cho bọn thằng Reynolds một cú bất ngờ.

Mitch hỏi gặng:

- Collins! Cái thằng ở Cam-ranh hả?

- Tôi đã buộc chân nó rồi. Ngày hôm qua khi báo cáo về trung tâm của Nha Điều Tra Tội Ác, tôi có yêu cầu giữ Collins tại căn cứ Quân Cảnh ngay khi nó vừa bước xuống trục thẳng và cũng không cho nó gọi điện thoại đi đâu. Nó sẽ xuất hiện vào lúc bọn thằng Reynolds không ngờ nhất. Nó không biết là ở Victoria đang tiến hành một cuộc điều tra về cái chết của Berkley, mà bọn nó là nghi can số một. Tôi sẽ nói chờ ngược Collins lại đây khi cần thiết. Hy vọng là nó sẽ khai.

Mitch thắc mắc:

- Anh nghĩ gì về mấy cái thùng giấy nặng mà Tiger chất lên xe? Nếu nó có giá trị, tại sao nó lại dẫu ở cái chòi ngay giữa cánh rừng lâu vậy?

- Ý nghĩ đầu tiên của tôi là nó để đó cho bọn Việt-cộng đến lấy nhưng nghĩ thêm một chút thì tôi thấy thằng Tiger không dại gì để cho dân làng biết hấn móc nối với Việt-cộng. Nó chỉ cất giấu ở đó thôi vì không còn chỗ nào khác. Tôi đoán là hàng quân đội, quân trang quân dụng không chừng.

- Sao anh nghĩ như thế?

- Thì anh còn nhớ đại úy Boggs phàn nàn rằng đơn vị mất rất nhiều đồ không? Lương khô này, ống nhôm hồng ngoại tuyến này, máy truyền tin này, còn nhiều thứ nữa kia, chưa kiểm tra hết đâu! Tôi sẽ hỏi lại Boggs xem bản báo cáo tồn kho đến đâu rồi.

- À! Thằng Tiger dự trữ hàng để chuyển cho Việt-cộng. Chúng nó thiếu thốn nên nhận bất cứ cái gì đều tốt cả. Nhưng sao anh biết chắc là hàng quân đội? Sommers hỏi gặng.

- Chắc lắm. Mọi việc đã rõ gần như ban ngày. Thằng Reynolds và đồng bọn đâu biết sự việc nghiêm trọng đến vậy đâu. Nó cứ nghĩ thằng Tiger chỉ là một tay buôn bán thuần túy, kiếm chút tiền từ thị trường chợ đen. Việc buôn bán có thể xảy ra tại làng đó, hoặc có thể tại Phú Biên. Hàng PX mua rẻ rẻ cứ bán ra là có lời. Nhưng nó vượt giới hạn quá xa khi lấy cắp những hàng quân đội và quân dụng để đem đi bán.

- Anh có nghĩ là thằng Tiger dùng gái để trả công cho bọn nó không?

- Tôi hy vọng là chúng nó còn nhận được nhiều hơn thế nữa. Mấy đứa gái điểm chỉ là màn mở đầu thôi. Nó sẽ hỏi đến những vũ khí chiến lược quan trọng hơn. Thằng Reynolds ăn mãi quen miệng sẽ không nhin được, rồi cả bọn dần dần lún vào vòng cương tỏa của thằng Tiger. Đến lúc đó thì nói đi bán Tổng Thống, bọn Reynolds cũng làm nữa là vài ba cái hàng quân đội nho nhỏ.

- Ô! Vậy thì trùng hợp với lời khai của Willard khi nó kể là Berkley nói rằng cả bọn đồ đốn lăm rồi và đang xuống dốc không phanh.

- Ủ! Rất đúng. Bọn nó chơi gái do thằng Tiger cung cấp và đổi lại, thằng Reynolds đánh cắp những hàng quân đội bán cho Tiger. Bọn chúng có thể đổi lần trao đổi tại Phú Biên. Tôi nghĩ mấy cái ống nhôm hồng ngoại tuyến hiện đang nằm trong tay thằng Tiger. Có thể bọn Việt-cộng đang xử dụng mấy cái ống nhôm này để theo dõi chúng ta nếu thằng Tiger là cán bộ cao cấp Việt-cộng. Tôi không biết đạn dược tồn kho của căn cứ Victoria cái gì còn cái gì mất, nhưng một đơn vị mà bị mất hai cái ống nhôm hồng ngoại tuyến là điều không thể tưởng tượng được. Gặp thằng trung úy gà chết Macy thì thằng Reynolds khiêng đi cả kho đạn dược cũng được nữa là hai cái ống nhôm con con đó.

Mitch lo lắng:

- Thì cũng đoán thôi, chúng ta vẫn chưa biết chắc thằng Tiger đang tích trữ thiết bị quân đội ở đây!

- Suy luận đi, bắt luận hàng gì, chắc chắn là những món hàng đó thằng Tiger không có quyền giữ ở một đất nước đang có chiến tranh. Hàng quốc cấm, anh biết không? vì thế nó mới vội vàng tải lên xe để chở đi. Nó không muốn cho tôi thấy những món hàng đó. Nếu chỉ là đồ tư trang cá nhân, hơn ai hết, nó biết rằng tôi không chú ý đến và cũng không có quyền tịch thu...

Chúng tôi im lặng đi giữa hai hàng cây, im lặng để nghiệm thấy tầm nghiêm trọng của vấn đề. Tôi chợt nghĩ đến một chuyện, vừa nghĩ đến là tôi bỗng đứng bất động ngay giữa đường như bị thôi miên:

- Tôi mới có một ý nghĩ khủng khiếp...

Sommers và Mitch cũng dừng lại, hỏi dồn:

- Cái gì?

- Thằng nhỏ đưa tin. Anh nói rằng gần đây nó không còn đưa tin tức chính xác nữa. Kết luận của anh căn cứ vào bản báo cáo của tiểu đội tuần tra 2/11, đúng không?

Sommers gật đầu:

- Chúng tôi có so sánh hai bản báo cáo. Chúng tôi muốn thử nghiệm độ chính xác của tin tức từ thằng nhỏ. Nếu OK, chúng tôi có thể dùng nó vào những việc khác, lớn hơn, trả nhiều tiền hơn.

- Bây giờ chúng ta thử suy đoán xem. Tiểu đội thằng Reynolds chắc là không đi tuần như nhiệm vụ đã được giao phó vì chúng nó nằm lì tại nhà thằng Tiger để hù hi với gái. May ra thì nó gọi một thằng đứng trông chừng ở ngã ba đường mòn, thế thôi. Chuyện dễ hiểu vì thằng Tiger là cán bộ cao cấp Việt-cộng, và nó đang dùng được bọn Reynolds để trao đổi hàng quân đội, vũ khí chiến lược thì không dại gì nó để bọn Việt-cộng lại vắng ở khu này. Nó phải ra lệnh cho lính của nó tránh xa khu làng, để cho tiểu đội thằng Reynolds yên tâm chơi gái, và để chúng tiếp tục thuôn hàng chiến lược ra ngoài.

Mitch thêm vào:

- Vậy là tiểu đội 2/11 hầu như không gặp một sự nguy hiểm nào cả, mặc dù chúng không biết.

- Đúng! Và thằng Reynolds phải viết bản báo cáo khi trở về căn cứ. Nếu nó không theo dõi con đường mòn thì làm quái gì nó biết được sự di chuyển của bọn Việt-cộng. Chắc chắn không! Vì thế chúng phải tạo ra một vài chi tiết tưởng tượng để báo cáo. Điều tôi muốn chứng minh là không hẳn thằng nhỏ của anh đưa tin sai lạc. Có thể nó chẳng phản lại ta. Điều đó hợp lý vì nếu nó theo Việt-cộng, tại sao bọn Việt-cộng lại giết nó?

- Tôi thắc mắc là tại sao thằng nhỏ đưa tin lại không báo cáo gì về chuyện bọn Reynolds. Có thể nó không biết thằng Reynolds là ai và cũng không biết tiểu đội có nhiệm vụ gì nhưng, trời ơi! chuyện lớn lao thế mà nó chẳng nói gì với tôi cả. Cả đám ở lại suốt đêm chơi gái thì không gì nó phải báo cho tôi biết một tiếng chứ!

- Thế anh có hỏi nó không?

Sommers gầm gừ trong miệng nói không, lầm lũi bước đi:

- Thì tôi có ngờ vực gì đâu mà hỏi!

- Nhiều khi thằng nhỏ không muốn đụng chạm đến Tiger vì nó thấy tay này chỉ khai thác mỗi lợi từ mấy tay lính Mỹ. Cũng có thể nó nhận tiền từ thằng Tiger. Thằng nhỏ không thể nào biết Tiger là tay cán bộ Việt-cộng gộc giống như bọn Reynolds. Ồ! Câu chuyện càng suy luận càng thấy nhiều nguồn tin thất thiệt quá.

- Cứ bình tĩnh. Tôi sẽ xem xét lại tất cả các bản báo cáo để loại bỏ những tin tức ma. Hai tuần trước, tiểu đội 2/11 báo cáo là có một trung đội Việt-cộng di chuyển trên đường mòn, ngang qua làng. Dám chuyện đó lão chứ không thật đâu.

- Thế thằng nhỏ đưa tin của anh nói gì?

- Tôi đâu biết. Khoảng thời gian đó, tôi đã không liên lạc gì với nó nữa, nghĩ rằng nó đã theo Việt-cộng.

Tôi quay sang Mitch:

- Tôi muốn truy tố mấy thằng này, không những truy tố mà phải truy tố gấp. Không thể để tình trạng này kéo dài thêm một ngày nào nữa. Tôi đã có kế hoạch để đưa chúng vào bẫy, nhưng rất cần tài đồng kích của anh. Bọn nó phải mở miệng khai hết với chúng ta.

Có bắt tay vào việc rồi mới thấy khó; muốn là một chuyện, được lại là một chuyện khác, cho dù có thủ thuật hay không có thủ thuật, có kế hoạch hay không có kế hoạch.

Về đến căn cứ Victoria, việc đầu tiên là tôi đến gặp đại úy Boggs để biết tình trạng hàng tồn kho của đơn vị thế nào. Tại phòng ăn tập thể, tôi thấy Boggs cầm tấm bìa kẹp hồ sơ, đang lẩm nhẩm đếm một số vật dụng trên sàn. Boggs chia cho tôi xem tờ giấy:

- Anh xem cái này. Đây là lệnh trưng dụng hàng trăm tấm gỗ dán do trung úy Macy ký mấy tháng trước; người đi lãnh hàng là hạ sĩ Reynolds. Trên tờ lệnh xuất kho còn ghi rõ là những tấm gỗ dán này dùng để thay sàn nhà của phòng ăn tập thể đã bị mục nát. Không những tôi không thấy mấy tấm gỗ dán mới đó trên sàn nhà này, mà xuất kho hàng trăm tấm như thế thì lót ba lớp sàn vẫn còn dư. Bởi vậy liếc thoáng qua là tôi biết ngay có điều gì không đúng. Một trăm tấm gỗ tương đương với hai trăm bộ vuông.

Tôi không muốn nói cho Boggs là tôi biết những tấm gỗ dán này bây giờ ở đâu. Tôi hỏi gặng:

- Còn mất những thứ gì nữa?

Boggs liếc xuống phía dưới tấm bìa kẹp hồ sơ, đọc từng thứ một:

- Xem nào! Hai máy truyền tin, hai ống nhôm hồng ngoại tuyến, hai kiện lương khô, 5 bánh xe sơ-cua. Tôi không chắc lắm, nhưng hình như mất hai cái súng M-79, hai kết lựu đạn cay, mìn, cả một mớ lựu đạn cầm tay nữa. Khó mà truy mảy quả lựu đạn cầm tay, còn hai khẩu súng M-79 thì Reynolds nói là đã bị hư hỏng qua một trận đụng độ mà trung úy Macy quên không làm bản báo cáo...

- ...đáng lẽ phải thấy mấy tấm bạt dựng lều cỡ trung nữa kia, vậy mà cũng chẳng thấy. Reynolds lại nói là hấn thấy trung úy Macy có dùng trước đây. Theo bản tồn kho thì chúng ta có một cái máy phát điện mới toanh, nhưng cái máy cũ đâu thì tôi cũng không thấy. Đây, còn cái này nữa, cái giàn máy kéo bị đánh cắp. Reynolds nói là đơn vị đóng trước đây khi chuyển trại, móc cả giàn kéo vào xe rồi đem đi luôn. Chuyện này đúng ra là phải báo cáo cho quân cảnh.

- Để tôi hỏi bên quân cảnh cho. Mitch chắc phải có bản báo cáo đó.

Tôi có cảm giác bản báo cáo phải có ở bên ban quân cảnh nhưng tôi vẫn không tin là đơn vị trước đây lấy cắp cả giàn kéo.

Boggs đập đập bìa kẹp hồ sơ vào chân:

- Mới nhìn sơ qua mà đã vậy, nếu kiểm cho thật kỹ thì không biết còn mất đến đâu nữa. May mà tôi vẫn còn cái ghế này ngồi. Không biết thằng cha Macy làm ăn cái giống gì ở đây?

Không lạ gì khi thấy cái tên Reynolds dính líu quá nhiều đến những vật bị mất. Nếu hấn lấy cắp những món đồ này rồi thuận ra thị trường chợ đen thì chắc chắn mỗi một thứ hấn phải tạo ra một lý do nào đó để giải thích cho có vẻ hợp lý. Nếu không tìm được lý do thì hấn lại đổ cho trung úy Macy; trong khi viên chỉ huy cũ lại ở cách xa đến nửa vòng trái đất thì làm sao mà đối chất. Tôi trở lại chuyện điều tra:

- Có thằng nào trong tiểu đội tuần tra đi Phú Biên sau khi tôi dẫn thằng Thiel về ngày hôm qua không?

Tôi muốn biết thằng nào đã đi báo cho Tiger để hấn tẩu tán hàng quân đội ra khỏi làng trước khi tôi đến điều tra. Đại úy Boggs nhàu mày cố nhớ lại rồi à lên một tiếng:

- Thiel! Khoảng một tiếng sau khi anh dẫn nó về, nó nói với tôi là hạ sĩ Reynolds bảo nó đi Phú Biên để lấy quần áo giặt ủi về.

- Thế anh có nghe Reynolds bảo nó thế không?

- Không, tôi bận bịu với mấy tờ giấy quân trang quân dụng tồn kho nên nghe nói thế thì tôi cho phép chứ có kiểm chứng lại đâu. Mấy món hàng tồn kho do thằng Reynolds đếm so với những gì tôi đếm thì cách xa một trời một vực. Bởi thế tôi không để cho nó đếm nữa. Đếm thì mệt thật nhưng thà vậy còn hơn là tin vào những con số ma của thằng hạ sĩ.

Ngày hôm sau tôi ra lệnh giam riêng chúng nó mỗi đứa một chỗ. Reynolds bị giữ tại văn phòng trưởng quân cảnh. Watson thì bị canh chừng tại lều chỉ huy. Jefferson bị dẫn độ đến chỗ làm việc của Mitch trong khi Thiel thì bị giam tạm tại buồng của tù nhân chiến tranh. Tôi để dành căn lều chỉ huy thuộc Nha Điều Tra Tội Ác để chờ Mitch dẫn thằng Collins đến. Mitch hiểu vai tướng cần phải đóng để giúp lột mặt nạ cả bọn.

Tôi lần lượt đi từng chỗ giam giữ từng đứa, đập vào mặt bọn chúng những chi tiết mà chúng tôi đã thu lượm được như, Berkley than với Willard về chuyện có thể bị thanh toán vào buổi sáng trước khi bị giết, chi tiết láo khoét khi dựng lên trận đụng độ bất ngờ với bọn Việt-cộng vì cái áo của Berkley không thùng một lỗ đạn, ông già ở làng nói có sáu người lính Mỹ ở lại cả đêm, năm sáu phát súng nghe bắn trong đêm đó và thấy người khiêng một cái xác trên lưng chạy về phía đường mòn, những hàng quân đội mất mát ở nhà kho – tôi kể rõ từng thứ một – cuối cùng tôi nói đến tên Tiger.

Vậy mà chúng nó vẫn không suy suyển một tí nào. Tôi đã chứng minh cho chúng nó biết là cả căn cứ này – kể cả bên quân cảnh – không ai tin câu chuyện đụng trận hoang đường đó đâu, thế mà trước sau như một, cả bọn vẫn khư khư giữ lấy những chi tiết tưởng tượng. Tôi dí vào mặt bọn chúng cái áo thấm máu lạnh lặn của Berkley, và tôi được trả lời đại khái như bắn nhau thừa sống thiếu chết thì ai mà để ý đến, hoặc tôi không nhìn thấy khi nó bị bắn, hoặc đơn giản hơn, tôi không biết gì hết.

Tôi chú tâm đến Thiel, đánh nó mạnh nhất bằng những đòn cân não, nhưng nó cũng ngơ ngơ ngáo ngáo như thằng mán. Tôi mong nó chỉ giả vờ đóng kịch mà thôi:

- Đây nè, Thiel! Tôi biết rất rõ việc gì đã xảy ra. Thay vì đi tuần tra dọc theo đường mòn, các anh đến làng, ngủ với mấy con gái diêm mà thằng cha Tiger mang đến cung phụng. Đây không phải là lần đầu các anh bỏ nhiệm vụ để ngủ với gái. Và chuyện xảy ra đêm hôm đó, các anh cãi vã nhau phải không? Có phải là Berkley không muốn thấy các anh thuần hàng quân đội ra bán cho thằng Tiger, đúng không? Anh nói cho tôi nghe đi, ai là người bắn Berkley đêm hôm đó?

Khuôn mặt Thiel lạnh như tiền:

- Tôi không biết, ông Hatchett! Tôi không hiểu ông kiếm được những chi tiết đó ở đâu. Berkley bị bắn chết trên con đường mòn mà tôi đã chỉ cho ông hôm qua.

Tôi hơi mất bình tĩnh:

- Bắn, bắn cái con khi, Thiel! Nó bị bắn trong căn nhà thổ mà các anh hú hí với gái và các anh khiêng cái xác của nó ra con đường mòn, tạo ra một trận đụng độ tưởng tượng bằng cách bắn lên trời vài phát súng. Tôi tin chắc là các anh chỉ bắn ba phát, không hơn không kém.

- Ông không thể bắt tôi khai những điều tôi không biết, ông Hatchett. Ông chỉ nghi ngờ chúng tôi qua lời nói của một ông già, thế thôi. Cả đời tôi chưa bao giờ đặt chân đến cái làng đó chứ đừng nói là ngủ đêm. Ông còn tin lời lão già là có gái diêm do ông Tiger nào đó chở đến để cung phụng bọn tôi. Tôi hỏi thật ông, ông trả cho lão già đó bao nhiêu? Còn ai trong làng nữa kiểm chứng những lời khai đó không?

Tôi bực mình bước ra khỏi lều, không thêm trả lời câu hỏi ngoan cổ của Thiel. Đến chỗ mấy thằng kia, tôi cũng nghe những câu trả lời tương tự. Jefferson giải thích:

- Lão già đó có thể là Việt-cộng. Tại sao ông không nghĩ xa hơn một chút, ông Hatchett! Ông muốn gì mà lão không nói. Có thể tôi có ghé qua cái làng nhỏ nhỏ đó, tôi không nhớ rõ là bao nhiêu lần. Tôi ghé chân nhiều làng quá nên không nhớ rõ cái làng mà ông nói đến nữa.

Watson thì phân trần:

- Tôi không biết gì về cái áo của thằng Berkley. Ngay cả tôi không thấy cái áo của nó đêm hôm đó. Ông có biết chắc là đêm đó nó không cởi nút áo ra không? Nhiều khi trời nóng quá, nó cởi áo ra không chừng, bọn Việt-cộng thấy rồi cho nó một băng đạn. Đơn giản chỉ có thế!

Reynolds trợn mắt:

- Ông nghĩ là tôi lấy trộm mấy cái đồ quân đội đó à? Cái giàn máy kéo phải nằm trong bản báo cáo bên quân cảnh. Đơn vị đóng ở đây trước chúng tôi đã lấy cắp. Chuyện đó xảy ra thường quá, ông Hatchett, đơn vị này lấy cắp quân trang của đơn vị kia. Mấy tấm gỗ dán chắc phải được dùng vào việc gì khác thay vì dùng để sửa sàn nhà ăn. Tôi không nhớ rõ trung úy Macy làm gì với mấy tấm gỗ đó. Tôi lại càng không biết gì về cái áo của thằng Berkley. Tôi không giải thích được tại sao áo nó lại không thủng một lỗ nào. Có thể nó cởi áo ra không chừng. Tôi chẳng biết gì về thằng cha Tiger nào đó. Cánh rừng này nghe nói cũng có nhiều tigers lắm, ông biết điều đó không, ông Hatchett? Đây có phải là khu rừng mà Teddy Roosevelt trước đây đến săn hổ? Mà thời đó thì đất nước này chưa có tên là Việt-nam. Tóm lại, tôi không biết thằng cha nào tên Tiger cả!

- Tôi sẽ cho anh biết là mấy tấm gỗ dán bây giờ đang ở đâu. Tôi bắt đầu phản công... cả mấy trăm tấm gỗ dán dùng để dựng cái nhà để các anh chơi gái.

Reynolds thách thức:

- Ông chứng minh cho tôi xem.

Hắn biết giống như tôi biết, mấy tấm gỗ dán không có mã số thì làm sao mà truy cứu. Tôi lờ đi, làm như không biết sự xác xược của hắn:

- Tôi cũng cho anh biết thêm về cái áo. Berkley ở trần khi nó bị bắn trong căn nhà gỗ đó. Nó cởi áo ra để hú hí với gái cho thoải mái, rồi có chuyện gì đó để nó bị bắn. Trước khi vác xác nó ra con đường mòn, các anh đã mặc áo lại cho nó nhưng các anh lại quên là áo phải có lỗ đạn để phù hợp với lời khai của cả tiểu đội. Anh cũng không biết là Willard đến nhà xác và thấy cái áo. Tôi nói thế có đúng không?

Reynolds nhìn trừng trừng về phía trước:

- Tôi chưa hề đặt chân đến cái làng mà ông nói. Chưa bao giờ! Chưa bao giờ lai vãng gần khu vực làng cả chứ đừng nói là ngủ đêm.

Vẻ tự mãn thoáng hiện trên khuôn mặt của tay hạ sĩ lì lợm. Hắn bắt được sự thất vọng của tôi qua những lời buộc tội, biết rằng tôi không làm được gì bọn chúng nếu không có những bằng chứng hiển nhiên. Hắn ngửa người ra sau, hai tay đan vào nhau, vẻ mặt tự tin:

- Tôi tìm thấy xác của Berkley trên đường mòn. Thiel cho tôi biết là ông đã thấy vũng máu ngay chỗ đó. Cả vỏ đạn nữa. Có thể tôi làm khi nói thằng Berkley cởi nút áo. Có thể nó không cởi nút áo không chừng. Hơn nữa khi đụng trận...

Tôi bực mình cắt ngang:

- Tôi biết, tôi biết, khi đụng trận tình hình làm các anh rối trí...

- Đúng! Ông hiểu được vậy thì tốt quá.

Tôi thấy đã đến lúc cho Collins xuất hiện. Tôi tập hợp cả bốn đứa chúng nó vào một lều. Một bên cửa lều được vén lên để chúng nó thấy rõ ràng Mitch lái xe chờ Collins đến. Từ trong lều, cả bọn thấy Mitch dẫn Collins đi từ

bên quân cảnh sang bên Nha Điều Tra Tội Ác. Mitch cầm trong tay cái ống nhòm hồng ngoại tuyền, đúng ra là mượn tạm của một người lính quân cảnh, để diễn đúng vở tuồng đã được soạn trước.

Mitch cố ý cầm chiếc ống nhòm để cho cả bọn trông thấy, vẩy vẩy tay làm ra vẻ như đang nói chuyện với Collins về cái ống nhòm. Đôi mắt của cả bốn thằng đều dán cứng vào hoạt cảnh diễn ra khá thành công. Tôi mở màn:

- Thấy chưa! Bọn của các anh đã hợp tác với chúng tôi. Cuối cùng Mitch cũng chụp được thằng Tiger. Các anh thấy Mitch đang cầm cái gì trong tay chứ?

Cả đám không thốt một lời nào. Thiel úp cả mặt vào hai bàn tay. Tôi bắt đầu thấy vết nứt trên bức tường đá. Reynolds nhếch môi cố ý làm ra vẻ bất cần nhưng vẫn không che dấu được sự lo âu trên nét mặt. Còn hai thằng Watson và Jefferson thì mở mắt tròn xoe nhìn không chớp, miệng cũng ngậm tằm.

Tôi rời căn lều. Ngay cả nếu vở kịch vừa rồi không gây một tác động nào với bọn nó, tôi vẫn hy vọng là Collins sẽ khai. Với một giọng nói tự tin, hết sức tự tin, tôi nhìn cả bọn:

- Các anh ở đây suy nghĩ cho kỹ. Tôi cho các anh một cơ hội chót để các anh nói rõ sự thật. Đây là cơ hội cuối cùng của các anh. Tôi sẽ hỏi chuyện Collins để xem nó khai ra sao. Các anh cứ nói chuyện với nhau đi và cho tôi câu trả lời.

Tôi đi sang lều để gặp Collins. Tin tức từ thằng này còn tệ hơn những đứa kia. Mặc dù hấn không vênh vênh vào như Reynolds nhưng câu chuyện của nó đại khái cũng như những đứa khác. Tôi chán nản nhưng cũng hiểu tại sao bọn nó lại che dấu cho nhau.

Đây là một đơn vị gồm sáu người. Giống như bao đơn vị khác, mạng sống của từng người trong đơn vị gắn chặt với nhau, nâng đỡ nhau trong những tình huống ngặt nghèo nhất, cùng nhau chiến đấu dưới làn tên mũi đạn. Tiểu đội ăn uống với nhau, ngủ, vui đùa, chia sẻ những mẫu chuyện gia đình, thổ lộ những ước mơ về tương lai. Sống chết bên nhau như thể nên chuyện bao che cho nhau là điều dễ hiểu.

Lời khai của Collins giống hệt như những đứa khác; nào là Berkley bị Việt-cộng bắn chết trên đường mòn, nó không biết gì về cái áo của Berkley ngay cả chuyện Reynolds kéo cái xác ra khỏi tầm đạn. Nó chỉ biết bắn, bắn xối xả vào bọn Việt-cộng. Tình hình làm hấn rối trí không thấy gì hết (trời ơi! tôi phải nghe câu này đến bao nhiêu lần nữa, mặc dù đó là sự thật nếu có đúng trặn). Nó nghĩ rằng nó chưa bao giờ đến cái làng con con đó, không biết ai tên Tiger, cũng không biết ai mua bán gì về hàng quân đội. Không có ý kiến gì về chuyện thằng Berkley nói là có đứa sẽ thanh toán nó. Nó còn nói thêm là thằng nông dân Berkley kỳ quặc lắm kia, nó không giống con giáp nào.

Tôi đành dẫn Collins lại lều của cả bọn. Tôi thở dài nho nhỏ. Lúc này ra khỏi lều với niềm tự tin bao nhiêu, bây giờ trở lại tôi cảm thấy một nỗi thất vọng ê chề bấy nhiêu. Trong một thoáng, tôi bỗng có ý nghĩ bọn nó nói thật; hay là Berkley bị Việt-cộng bắn thật. Nhưng ý nghĩ chỉ thoáng qua thôi rồi tan biến vì tôi tin lời nói của ông già. Tôi đã đến chỗ Berkley bị bắn và thấy không một cành cây nào bị gãy. Tôi đã nghe Willard nói về Berkley, tôi cũng cầm trong tay chiếc áo không một lỗ thủng. Tôi có cảm tưởng là sự đoàn kết của bọn thằng Reynolds đã tia rụng dần lòng tự tin và sự quả quyết của tôi.

Chắc chắn diễn tiến câu chuyện đã xảy ra theo đúng như tôi đã lập luận trước mặt chúng nhưng trở ngại chính của tôi hiện tại là không có lấy một bằng chứng hiển nhiên nào. Tôi không có một cái gì để buộc chúng nó có mặt tại xóm nhà bắn thiêu vào đêm hôm đó. Chỉ cần chứng minh là chúng nó có mặt tại căn nhà của thằng Tiger thì mọi diễn tiến sau đó đều được chấp nhận dễ dàng.

Khi bước vào lều, Collins nháy mắt với Reynolds trong khi hấn chỉ nhếch môi, gật đầu nhẹ nhẹ.

- Này ông Hatchett, nếu xong rồi tôi xin phép để trở về trại để sắp xếp đồ đạc. Ngày mai tôi phải có mặt ở sở chỉ huy để làm thủ tục về nước.

Tôi bỗng trở nên tức giận, giọng gay gắt:

- Không được ai đi đâu cả!

Từ sáng đến giờ lần đầu tiên lời hăm dọa của tôi thấy có hiệu quả. Reynolds cau mày:

- Ông nói thế là thế nào?

- Tôi đã nói rồi, các anh không một người nào ra khỏi lều cho đến khi cuộc điều tra chấm dứt. Các anh sẽ ăn, ngủ, tiểu tiện, đại tiện ở đây cho đến khi hoàn tất. Cuộc điều tra của tôi chỉ mới khởi sự mà thôi...

Và chỉ thẳng vào mặt tên hạ sĩ:

- ...tôi sẽ đình chỉ lệnh thuyền chuyển của anh về trung tâm huấn luyện Fort Dix.

- Ông... ông... làm gì?

Đôi môi của Reynolds giật từng cơn. Nhìn nét mặt hoảng hốt của thằng hạ sĩ, tôi cảm thấy thật sảng khoái trong lòng:

- Không những tôi có quyền làm mà tôi đã làm. Anh nghe rõ chưa, tôi đã ra lệnh đình chỉ lệnh thuyền chuyển của anh vô thời hạn, cho đến khi có lệnh tôi.

Đúng ra tôi chưa làm nhưng tôi nghĩ tôi có quyền yêu cầu đình chỉ lệnh thuyền chuyển và tôi sẽ làm ngay sau khi về đến nhà chỉ huy. Thiel lo lắng thấy rõ:

- Thế cuộc điều tra kéo dài bao lâu, thưa ông? Tôi đã được lệnh giải ngũ trong tháng này, có thể sớm hơn.

- Bao lâu hả? Không cần biết bao lâu. Nó kéo dài đến đâu các anh ở lại đến đó. Tôi khuyên các anh đừng vội tổ chức tiệc ăn mừng trở về.

Thiel không kiềm giữ được xúc động:

- Trời ơi!

Lần đầu tiên tôi có cảm giác đang thắng thế. Reynolds hỏi gặng:

- Nếu cuộc điều tra không đưa đến một kết quả nào thì chúng tôi có được trở về nước không?

- Trường hợp đó thì được nhưng tôi phải bằng lòng với kết quả kia và tôi khuyên cáo các anh lần nữa, tôi khó tính lắm, không dễ gì bằng lòng đâu.

Bỗng chuông điện thoại reo. Một người quân cảnh nhắc ông nghe lên và trao cho tôi:

- Lính quân cảnh gác ở cửa trước muốn nói chuyện với ông.

Tôi áp tai vào ống nghe:

- Ông Hatchett, tôi là Jone canh gác ở cổng trước. Có một người đàn bà người Việt đòi nói chuyện với ông. Bà ta không biết tiếng Anh vì vậy ông cần người thông dịch. Tôi chuyển điện thoại bây giờ đây.

May quá, có anh lính Lực Lượng Đặc Biệt lái xe ngang nên tôi nhờ anh ta nghe điện thoại dùm tôi luôn. Anh nghe máy và nói lại với tôi rằng người đàn bà đó muốn kể lại câu chuyện người lính Mỹ bị bắn chết tại làng nơi bà ở. Bà ta chứng kiến vụ bắn chết người và bà cũng làm việc cho cái ông nào đó tên là Tiger.

Tôi sợ mình nghe lầm nhưng không, anh lính nói rõ ràng từng tiếng với riêng tôi. Ô! Hoá ra một trong những cô gái điếm. Tôi đã nghĩ nếu cuộc điều tra bế tắc, tôi phải đi Phú Biên tìm cho ra những cô gái đó để hỏi thêm chi tiết. Chuyện gì xảy ra đêm hôm đó, ngoài tiểu đội của thằng Reynolds, những cô gái này là những nhân chứng hùng hồn nhất. Điều làm tôi hy vọng là những cô gái này không có một tình cảm ràng buộc nào với bọn Reynolds nên sẽ không dối trá và chắc chắn sẽ khai hết cho tôi nghe những gì đã xảy ra. Chưa kịp tìm thì bây giờ một trong những cô gái đó muốn nói chuyện với tôi. Ôi! Trên đời lại có những may mắn bất ngờ dễ thương đến thế!

Tôi nói vào ống nghe với anh lính quân cảnh:

- Tôi sẽ có mặt ngoài đó ngay. Đối xử với cô ta tử tế nghe. Nên tỏ thái độ kính trọng, đừng chọc ghẹo cô ta, nghe không?

Nhiều cô gái Việt trông thật dễ thương, quyến rũ. Tôi sống trên đất nước này đủ lâu để có nhận xét đó. Những cô gái làm việc cho thằng cha Tiger chắc chắn phải mặn mà, sắc sảo chứ không thể xoàng xoàng được. Tôi chỉ sợ bọn quân cảnh nhìn thấy cô ta đẹp rồi có cử chỉ sàm sỡ thì hỏng chuyện lớn. Tiếng anh lính quân cảnh làm tôi yên tâm:

- Ông đừng lo, tôi sẽ giữ ý tứ.

Tôi bảo một người quân cảnh sang bên khu quân báo tìm người thông dịch rồi quay sang bọn Reynolds:

- Các anh không được bước ra khỏi lều, chờ tôi quay trở lại. Hình như một trong những cô gái các anh ôm ấp đêm đó muốn khai báo điều gì.

Nhìn khuôn mặt xám ngoét của cả năm thằng trong tiểu đội 2/11, tôi biết màn bí mật đang được dần dần kéo lên. Bước ra ngoài, tôi thở ra một hơi dài, lòng sung sướng hồi hộp, không ngờ diễn tiến vào phút cuối thuận lợi cho tôi như thế. Vừa đến cổng trại, đến lượt khuôn mặt tôi lại xám ngoét khi nhìn thấy người đàn bà.

Người đàn bà đang đứng chờ tôi ở cổng trại không phải là cô gái điếm trẻ trung, quyến rũ như tôi tưởng. Đó là người đàn bà ngồi khóc than thảm thiết khi chúng tôi bước vào làng ngày hôm qua. Bà chính là mẹ của thằng nhỏ đưa tin của Sommers đã bị Việt-cộng chém chết bằng mã tấu.

Nỗi Lòng Người Mẹ

Câu nói đầu tiên của tôi là:

- Nói với bà là tôi không thể trả tiền cho bà được đâu. Không phải là tôi không muốn nhưng tôi không thể làm chuyện đó được.

Tôi nghĩ bà là một nhân chứng sống nên không thể vi phạm luật được. Người thông ngôn nói với bà khi ngồi trên xe quay trở lại lều, nơi bọn Reynolds đang nhấp nhòm ngồi chờ. Tôi cố ý lái xe thật chậm để bà ta có thì giờ lấy lại bình tĩnh trước khi đối diện với cả tiểu đội 2/11. Người thông dịch quay sang tôi:

- Bà ta nói là không muốn nhận tiền của ông.

Tôi liếc mắt sang ghế bên cạnh để nhìn rõ người đàn bà đang ngồi ủ rũ với một nỗi buồn cam nín. Trời cao nguyên về chiều lạnh lạnh mà bà ta chỉ khoác mỗi tấm khăn lên đôi vai xương xẩu, còm cõi. Chiếc áo cánh bạc màu trông bần thiêu như chưa được giặt cả tháng trường. Cái quần lãnh, tôi nghĩ là màu đen, cũng đã bạc phếch, nhớp nhúa, rộng thùng thình so với tấm thân gầy yếu. Tay bà cầm chặt cái nón, loại nón to có chóp nhọn rất phổ biến ở xứ sở này, để che bớt luồng gió tạt vào khuôn mặt ngả sang màu vàng sạm, đã hằn nhiều vết nhăn, nứt nẻ như mảnh ruộng khô cằn trong cơn hạn hán.

Người thông ngôn ngồi ở băng sau, chồm người về phía trước, chuyển dịch câu hỏi của tôi:

- Hỏi xem bà ta thấy gì đêm đó? Tại sao bà ta lại có mặt trong căn nhà đó?

- Bà ta nói, đôi khi bà làm việc cho ông Tiger. Bà có nhiệm vụ tiếp nước cho mấy cô gái và những anh lính Mỹ. Vài lần bà mang đến những món mà cả bọn đòi hỏi. Sau khi mọi người đi hết, bà lại có nhiệm vụ dọn dẹp, chùi rửa cho sạch sẽ.

- Thế chuyện gì xảy ra trong đêm mà người lính Mỹ bị bắn chết?

- Đêm đó, cả bọn cãi nhau kịch liệt. Bà ta không hiểu chúng nó cãi nhau về chuyện gì nhưng bà biết rằng cả bọn uống đã say mềm rồi. Rồi bọn chúng vẩn thuốc, thuốc gì... gì đó, hút với nhau.

Tôi đỡ lời:

- Cần sa! Rồi sao nữa?

- Bà nói là anh lính Mỹ bị bắn chết, từ trong phòng với cô gái bước ra, to tiếng với một anh lính Mỹ khác, đẩy xô anh đó sát vào tường, rồi anh lính Mỹ bị xô cầm súng bắn chết anh kia ngay.

- Thế bà có thể nhận diện được bọn nó hay không?

- Bà nói là sau khi bắn phát súng đầu tiên, tất cả mọi người thay phiên nhau bắn một viên nữa vào người anh lính Mỹ. Bà còn nhớ rõ mặt từng đứa. Bà tin rằng anh lính Mỹ đã chết vì khi bà chạy xô đến, nắm lấy tay anh lính thì người anh luống hắt đi, thờ hắt ra và từ từ nhắm mắt. Cả bọn xô bà ngã qua một bên, rồi chúng nó thay phiên nhau bắn mỗi đứa một viên vào xác anh lính.

- Thế khi đó mấy đứa kia làm gì?

- Bà ta nói cả bọn sợ lắm. Chúng nó lại cãi nhau. Bà ta đoán có thể chúng không muốn bắn vào cái xác nữa. Nhưng cuối cùng cả bọn đều bắn. Cãi nhau nữa. Rồi một anh tìm cái áo lính của anh bị chết, mặc vào cho anh ta và vác lên vai chạy ra khỏi làng.

- Như vậy là một đứa bắn trước, sau đó mỗi đứa đều bắn một viên. Thế chúng nó bắn vào đâu?

Người thông ngôn nói ở đây và đưa tay vẽ một vòng tròn vào vùng ngực. Tôi thẳng xe lại:

- Thế thằng cha Tiger có mặt ở đó khi chúng nó bắn không?

- Không! Ông Tiger có mặt khi cả bọn đến và ngay sau đó, ông ta rời làng. Ông ta trở lại vào ngày hôm sau để chờ mấy cô gái về Phú Biên.

- Bà có biết tên và chỗ ở của mấy cô gái không?

- Có, bà ta biết rất rõ.

Lời khai của bà ta có thể không chắc chắn lắm nhưng nếu kiểm được những cô gái kia, phối kiểm lại lời khai thì chắc chắn buộc cả tiểu đội đã có mặt tại làng vào đêm hôm đó.

- Bà ta làm gì sau khi cả bọn rời làng?

- Bà nói là bà dọn dẹp chùi rửa như mọi lần và bà ta cũng lấy thật nhiều đất rải trên vũng máu của anh lính để ruồi và kiến khỏi bu đến.

- Người lính Mỹ bị bắn nằm chết ở đâu?

- Ngay phía sau cánh cửa.

- Bà đổ đất ngay phía sau cánh cửa, phải không?

- Vâng! Đúng thế, ông Hatchett.

Tôi muốn dừng xe lại ôm lấy bà ta để cảm ơn. Bà đã biết Berkley bị bắn chỗ nào trên người, bà lại biết đồng đất chôn ngay phía sau cánh cửa. Từ đó đủ kiện đủ để tôi xác quyết là bà nói thật.

- Hỏi tại sao bà ta lại không nói cho tôi biết khi chúng tôi đến làng điều tra?

Có thể là bà đã thấy tôi trả tiền cho ông già khi mua tin tức nên bà cũng muốn kiếm chút đỉnh khi kể cho tôi tường tận câu chuyện. Bây giờ thì bà chưa muốn được trả tiền nhưng sau khi cuộc điều tra kết thúc, bà ta lại đến vòi tiền tôi cũng nên. Cũng có thể bà ta cho tôi biết nội vụ vì bà theo Việt-cộng, mà theo Việt-cộng thì cứ làm cho nội bộ bọn Mỹ xáo trộn lên là xem như một chiến thắng rồi. Nếu sự thật bà ta là Việt-cộng thì những lời khai của bà cần phải được kiểm chứng. Nhưng Sommers lại không tin như vậy, vì anh ta biết rõ lai lịch của bà hơn tôi.

- Bà nói ban đầu bà không muốn dây dưa với lính Mỹ. Mãi cho đến ngày hôm qua khi thấy ông đến làng bà ta mới đổi ý. Sở dĩ bà lén lút đến đây vì không muốn dân làng biết bà nói chuyện với một nhân viên của Nha Điều Tra Tội Ác.

Tôi gài số xe:

- Nói với bà là tôi muốn bà nhận diện tất cả những người có mặt trong đêm đó. Từ người lính bắn phát súng đầu tiên và những người lính còn lại.

Bà ta gật đầu nhẹ, biểu lộ sự đồng ý. Tôi nghĩ mỗi đứa đều bắn một viên vào người Berkley, thảo nào chúng nó đối trá cho nhau vì tay đứa nào cũng dính chàm cả.

- Nói với bà là tôi rất đau buồn khi nghe con bà chết.

Người thông dịch nói với bà ta khi chúng tôi bước xuống xe jeep tiến về phía cửa lều. Bà liếc xéo tôi, đôi mắt trũng đen sâu hun hút chứa đựng một chút giận dữ, gần như kết án lời an ủi của tôi không thành thật lắm. Tôi bỗng có cảm giác bà đang đổ hết mọi tội trên đầu tôi, một người lính Mỹ, là nguyên nhân gây ra cái chết của con bà. Tôi nghe bà lẩm bầm những câu có vẻ tức giận bằng tiếng Việt. Người thông ngôn nói:

- Làm sao ông tỏ vẻ thương tiếc về cái chết của con tôi? Bọn Việt-cộng bầm nó ra từng mảnh và tôi thù ghét chúng. Nhưng nếu không có một người lính Mỹ nào trên đất nước này, có lẽ bọn Việt-cộng không có một lý do chính đáng nào để chiến đấu. Không có chiến tranh thì thằng con tôi giờ này vẫn còn sống.

Anh thông ngôn nhếch bên vai như biểu bộ sự đồng ý. Bà ta không ưa gì chúng tôi và cũng không thích bọn Việt-cộng. Những người lính miền Nam thì không nói, họ chiến đấu vì lý tưởng của chính họ; còn chúng tôi chiến đấu vì một lý do nào đó, khác hơn mà đôi khi chúng tôi cũng cảm thấy mơ hồ, không rõ nét. Trong tận đáy thâm

tâm, hình như bà có ý nghĩ chúng tôi đã góp phần giờ cao lưỡi mã tấu, chặt nát thân xác đứa con bà ở mé bìa rừng, cũng như đưa đến cái chết của chồng bà ở Phú Biên và ngay cả cha mẹ bà nữa không chừng.

Trước khi bước hẳn vào lều, tôi băng khuâng tự hỏi tại sao bà lại chọn tôi giữa một đám người để nói chuyện? Tại sao bà lại dây dưa vào một chuyện mà ngay từ đầu bà đã không muốn?

Vừa dẫn người đàn bà tiến vào lều, điều đầu tiên đập vào mắt tôi là những khuôn mặt xanh xám của cả năm thằng thuộc tiểu đội 2/11. Miệng chúng nó há hốc như thể một sức nặng vô hình đang kéo trĩu cả hàm dưới xuống nên không thể ngậm miệng lại được, thân hình run rẩy như cành cây trước cơn bão cấp tính. Chúng ngồi chết lặng trên chiếc ghế xếp, đôi mắt mở trừng trừng nhìn người đàn bà. Đã có thằng lằm bằm chửi rủa nhỏ nhỏ. Còn thằng khác thì không kìm được hai tiếng trời ơi nghe rõ mồn một.

Không một đứa nào đứng dậy, tôi nhắc nhở:

- Các anh quên tác phong quân đội là khi có một phụ nữ bước vào phòng, tất cả đều phải đứng dậy à!

Hạ sĩ Reynolds phá lên cười hô hô. Tiếng cười khả ố của hắn nghe thật lạc điệu giữa cơn run sợ của đồng bọn. Hắn là người duy nhất không chịu đứng dậy:

- Phụ nữ? Mụ già quỳ này mà ông gọi là phụ nữ à! Không đời nào tôi đứng dậy vì con mụ này.

Ngay phía sau Reynolds, sừng sững một anh quân cảnh da đen đứng như quả núi đá. Tôi bảo anh:

- Hạ sĩ Reynolds không chịu đứng dậy, nhờ anh giúp một tay được không?

- Được chứ! Người quân cảnh trả lời.

Anh ta vươn đôi bàn tay hộ pháp, chộp lấy vai của viên hạ sĩ, hất nhẹ một cái, cả thân hình thằng Reynolds đứng bật thẳng dậy như lò xo. Hắn vùng vằng sửa lại áo:

- Bỏ tay mày ra, thằng mồi đen!

Người quân cảnh phui nhẹ hai tay vào nhau, nhếch môi hừ nhẹ không để ý đến lời miệt thị màu da của thằng Reynolds. Có lẽ anh ta đã nghe những lời miệt thị đó trước đây rồi nên không ngạc nhiên lắm; hơn nữa đó cũng là một trong những điều được huấn luyện tại trường quân cảnh: bình thân trước những lời lẽ lăng mạ của bọn lính, bao gồm cả những lời sỉ nhục về màu da. Tôi không ngạc nhiên trước sự bình tĩnh của người lính quân cảnh mà lại ngạc nhiên trước phản ứng tức giận của Jefferson, không gì thì hắn cũng là người da đen. Jefferson ném một cái nhìn sắc, dữ dội về phía thằng Reynolds. Người đàn bà chỉ mới hiện diện chưa đầy năm phút mà tôi nhận thấy đã có sự rạn nứt giữa tình đồng đội keo sơn - cứng như một bức tường đá - của tiểu đội 2/11. Một bức tường đá mà tôi muốn phá vỡ bằng nhiều phương cách và cảm thấy gần như bất lực. Bỗng nhiên, cả bọn năm thằng trở nên bồn chồn, tức giận, thấp thỏm, đứng ngồi không yên; không còn nét vênh vao, cố chấp với câu chuyện đung trợn hoang đường được nghe đi nghe lại nhiều lần đến độ nhàm chán. Bà chưa điếm mặt một đứa nào hết mà đã thấy có hiệu quả như vậy nên tôi tin chắc rằng chẳng mấy chốc sự gan lì cả tiểu đội sẽ tan như bọt biển trước người đàn bà mong manh, yếu đuối này.

Tôi chỉ tay vào cả năm đứa:

- Bà có biết những người này không?

Người đàn bà bình tĩnh nhìn cả bọn rồi trả lời:

- Những người này và anh lính bị bắn chết đến làng đã nhiều đêm. Đây là những người có mặt trong căn nhà khi anh lính bị bắn chết. Tôi gặp mặt họ nhiều lần nên nhớ rõ.

- Ai là người bắn đầu tiên?

Đây là câu hỏi then chốt. Không khí trong lều đột nhiên lắng xuống, không một tiếng thở. Bên ngoài, buổi chiều đang xuống dần, ánh nắng thoi thóp bò qua cửa lều thành một vệt dài vàng vọt chạy mãi đến chân người đàn bà. Người ta còn nghe được liếng lá xào xạc ở trên ngọn cây, đong đưa ngay bên cạnh lều. Thời gian giữa câu hỏi và câu trả lời của người đàn bà xem chừng lâu lắm. Cuối cùng, tiếng người thông ngôn:

- Bà ta nói anh lính đó bị xô đứng sát tường và cầm súng bắn.

Ngón tay của bà chỉ thẳng vào người hạ sĩ Reynolds. Hắn gầm lên:

- Con mụ già nói dối. Mụ là Việt-cộng. Tôi đã nghĩ con mụ này là Việt-cộng.

Tôi nhìn anh lính quân cảnh da đen:

- Hạ sĩ Reynolds không ý tứ lời nói gì cả, ăn nói cộc cằn quá. Nếu anh ta nói xàm nữa, nhờ anh khóa cái miệng lại, được không?

- Được chứ! Người lính quân cảnh cười mỉm.

Tôi quay sang người thông ngôn:

- Thế còn những người kia?

- Ngay sau khi Reynolds bắn anh lính Mỹ, anh này... bà chỉ vào Watson, bắn phát thứ hai, rồi... bà chỉ vào Collins, bắn phát tiếp, ...bà lại chỉ vào Jefferson và sau cùng là Thiel, bắn hai phát cuối.

Thiel úp mặt vào giữa hai bàn tay. Những đứa khác, ngoại trừ Reynolds, cúi gằm mặt. Reynolds nghiêng răng nhìn bà trừng trừng. Tôi hất đầu:

- Anh có ý kiến gì không, Reynolds?

- Ô! Ông cho tôi nói hả? Đây! Tôi hỏi ông, ông tin con mụ già này hay tin chúng tôi? Tôi cho ông biết mụ già này là Việt-cộng. Tôi luôn luôn nghĩ con mụ này là Việt-cộng.

- Anh biết gì về bà, Reynolds, nói cho tôi nghe! Anh đã từng nói với tôi là chưa bao giờ đặt chân đến làng, thế mà anh lại biết người đàn bà này là Việt-cộng. Nếu anh không đến làng làm sao anh biết chắc bà là Việt-cộng?

Jefferson chột lên tiếng:

- Im cha cái miệng mày lại, Reynolds. Ông Hatchett nói đúng, mày nói nhiều quá. Mày nói nhiều nên sai nhiều, mày biết không?

- Vậy mấy người này biết Tiger không?

- Dĩ nhiên là biết. Ông ta mang gái đến cho cả đám mà... bà lại chỉ vào Reynolds... anh này thường ngồi nhâm nhi với ông Tiger, đôi khi ra khỏi nhà nói chuyện riêng trước khi ông ta rời làng, để lại mấy cô gái cho cả sáu người. Có lúc anh ta mang theo vài cái thùng gì đó rồi bỏ lên xe jeep của ông Tiger để chở đi. Ô! Mấy người này rành ông Tiger lắm mà.

- Bà có biết những gì bỏ lên xe jeep không?

Bà ta nhún vai trả lời cho anh thông ngôn:

- Bà không thấy rõ vì bà bận rộn phục vụ nước nôi cho mấy anh này.

Hạ sĩ Reynolds bỗng xen vào:

- Ông Hatchett, ông trả cho bà này bao nhiêu?

Tôi gật đầu ra hiệu cho anh thông ngôn. Anh chuyển dịch câu trả lời của bà cho Reynolds:

- Bà ta nói là không muốn nhận một đồng nào! Ông này cũng không trả cho bà một xu.

Reynolds trở nên tức tối hơn bao giờ. Hắn gào lên:

- Ông vẫn còn tin lời của con mụ nhà quê này. Thế ông hỏi xem tại sao con mụ này lại muốn khai như thế?

Câu hỏi này thật quan trọng. Đúng! Tôi lo lắng nhìn bà và tôi cũng muốn biết tại sao bà lại dây dưa vào chuyện này mà ngay từ đầu bà đã không muốn. Nếu bà trả lời là ông Tiger bảo tôi phải khai hết thì tất cả mọi chuyện đều hồng, hồng hết. Khi đứng trước toà, câu trả lời của bà có thể đập đổ tất cả những sự tin cậy của một nhân chứng then chốt. Trong thâm tâm, tôi vẫn tin tưởng bà tự ý khai chứ không bị ép buộc từ một phía nào. Tôi bảo người thông ngôn chuyển dịch câu hỏi của Reynolds.

Nét mặt bà bỗng trở nên hoà hoãn hơn. Người ta đọc được những nét bình an trên khuôn mặt, một sự đoan chắc tin tưởng vào những điều sắp nói. Hình như bà đang chờ một câu hỏi tương tự như thế và rất muốn trả lời để thổ lộ nỗi niềm chất chứa từ bấy lâu nay. Bà hít vào một hơi dài như để sắp xếp tư tưởng cho mạch lạc và khi nói, bà tuôn ra không ngừng những ý nghĩ đã gói ghém trong trí, đến nỗi người thông ngôn bắt không kịp nguồn tư tưởng của bà:

- Sau khi anh lính Mỹ bị bắn chết, tôi chạy đến cầm lấy tay anh ta. Người anh luồn dần nhưng bàn tay của anh vẫn nắm chặt lấy tay tôi. Ngay lúc đó tôi không nghĩ nhiều về cái chết ngoài sự kiện là anh ta còn quá trẻ. Tôi đã mất chồng và cha mẹ, nên một cái chết nữa ngay trước mắt tôi chỉ làm cho lòng tôi thêm chai đá. Vài ngày sau, đứa con duy nhất của tôi bị bọn Việt-cộng giết. Thân tôi bây giờ trở nên lơ lửng giữa trần gian này, không chồng, không cha mẹ, không con cái. Tôi giống như một cụm mây cô đơn bay lững lờ trên vòm trời xám. Tôi phiêu du vô định như một cụm mây...

Lòng tôi chột chùng xuống. Bà ta chưa bao giờ đọc những áng thơ tuyệt vời của Wordsworth, nhưng bà đã vẽ ra một ý thơ, đã thốt lên những vần thơ đi vào lòng người.

- ...tôi đã khóc hết nước mắt thương nhớ con tôi và tôi chột nhớ đến cái chết của anh lính trẻ; lòng băn khoăn tự hỏi không biết người mẹ của anh ta sẽ ra sao khi nghe tin dữ...

Tôi hỏi người thông dịch là bà ta đang nói đến mẹ của Berkley phải không. Anh ta gật đầu.

- ...tôi nghĩ nhiều về người mẹ của anh lính trẻ. Tôi biết chắc là bà sẽ buồn lắm. Không chừng bà cũng là một nông dân chân chất như tôi. Cuộc sống của bà có khó khăn lắm không? Bà và tôi, ở hai phương trời xa lạ, không biết mặt nhau cũng chưa hề nói chuyện với nhau bao giờ, nhưng chúng tôi giống nhau ở chỗ là đã làm mẹ, và bây giờ mất con, sống đơn cô. Con của bà chết vì người Mỹ, con của tôi lại chết vì người Việt. Cuộc chiến tranh này đã làm chúng tôi mất mát quá nhiều. Chính vì thế mà tôi cảm thấy rất gần gũi với người mẹ, chưa hề biết mặt, của anh lính trẻ.

Tôi cắt ngang:

- Nói với bà, mẹ của Berkley cũng là một nông dân.

Người thông ngôn nói cho bà biết., bà mỉm cười nhẹ:

- ...tôi không biết nước Mỹ. Có người nói với tôi là nước Mỹ lớn lắm. Rất giàu có với những nông trại bạt ngàn. Tôi có thấy vài tấm hình đâu đó. Còn tôi, tôi là một người đàn bà nghèo khổ, trong nhà chỉ có vài con heo, dăm con gà. Tài sản tôi chỉ có thế. Nhưng tôi giống bà mẹ của anh lính trẻ vì chúng tôi đã cưu mang những đứa con, nuôi chúng lớn khôn và cùng mất con cách nhau chỉ vài ngày. Vì thế, tôi khóc cho con tôi nhưng tôi cũng khóc cho anh lính trẻ, cả người mẹ của anh ta nữa.

Bằng đuôi mắt, tôi thấy Thiel lắc lắc đầu như xua đuổi một ý nghĩ nào đó rồi đứng bật dậy, mắt nhìn mông ra phía cửa lều, lắng tai nghe người đàn bà kể lể:

- Tôi đến đây nói cho ông biết những gì xảy ra đêm hôm đó cũng như những điều tôi suy nghĩ từ mấy ngày qua. Tôi cũng muốn người nào đó khi đến gặp mẹ của anh lính bị chết, nói là con của bà không chết tức tưởi một mình đâu. Lòng người mẹ sẽ quặn đau khi không ở bên cạnh con trong những giây phút cuối cùng của con mình, vượt

đôi mắt để đưa con đi vào giấc ngủ ngàn thu. Nói với bà rằng tôi đã nắm chặt lấy bàn tay của con bà trong những giây phút cuối cùng của bà. Một phần nào an ủi tôi khi làm được chuyện này với cương vị là một người mẹ. Anh ta đã không chết cô đơn.

Thiel lắc đầu mạnh hơn nữa, đôi mắt hấn đỏ hoe. Mọi người cúi đầu nhìn người đàn bà ốm yếu, đang cầm chiếc nón trong tay, bày tỏ những lời chân thành nhất của một người mẹ. Trên khuôn mặt của vài ba người, đã thấy long lanh những giọt nước mắt. Riêng thằng Reynolds vung tay, trợn mắt:

- Ô! Vài ba cái chuyện tầm phào. Con mẹ già này bày nhiều trò. Nó không chứng minh được điều gì cả ngoài chuyện mẹ chính là Việt-cộng.

Cho dù không hiểu Reynolds nói gì, bà chẳng thêm để ý đến những lời lẽ khiếm nhã của hắn. Bà tiếp tục:

- Ông nên đưa cái này cho mẹ của anh ta. Bà mẹ sẽ giữ làm di vật để nhớ đến đứa con của bà. Sau khi những người này khiêng xác đi, tôi tìm thấy nó nằm trên sàn nhà gần cánh cửa nơi anh ta chết.

Người đàn bà moi trong túi áo cánh bạc phếch ra một vật, và xoè lòng bàn tay thô nhám cho tôi thấy vật đó.

Nỗi lòng của người mẹ bà vừa thổ lộ nói lên tình mẫu tử không biên giới, không phân biệt màu da, không giới hạn chủng tộc. Một người mẹ cảm thấy được sự mát mẻ và đau thương của một người mẹ khác, cách nhau cả một đại dương vời vợi. Nhưng đối với một người làm công việc điều tra như tôi, cái vật bà vừa đưa ra cho tôi thấy có giá trị trước luật pháp gấp trăm nghìn lần tình mẫu tử. Đó là cái móc xích cuối cùng, chí tử, một bằng chứng hùng hồn và hiển nhiên không thể chối cãi được. Tôi đã tìm mọi cách để buộc cả tiểu đội có mặt tại căn nhà tối hôm đó mà vô vọng. Lời khai của bà - nếu cần, cộng thêm lời khai của mấy cô gái điếm - và vật đang nằm trong lòng bàn tay của bà, đủ để buộc tội cả năm thằng.

Vật bà xoè ra cho mọi người thấy là cái bật lửa Zippo mới toanh, trên đó có khắc hàng chữ: Robert Berkley Tiểu Đội 2/11 Sư Đoàn 6 Bộ Binh.

- Bà tìm thấy cái bật lửa này trong căn nhà vào đêm hôm đó?

Người thông ngôn nói với tôi sau khi bà xác nhận lần nữa:

- Đúng thế, ông Hatchett!

Tôi cầm lấy cái bật lửa Zippo, đưa cao lên cho mọi người thấy và tuyên bố:

- Trước mặt mọi người, tôi có một người lính Mỹ, thề sẽ nói sự thật trước tòa án quân sự, đã xác quyết rằng Berkley là sở hữu chủ chiếc bật lửa này, vài tiếng đồng hồ trước khi đi tuần tra với các anh. Làm thế nào mà chiếc bật lửa này lại lạc vào trong căn nhà tối hôm đó trừ phi... trừ phi các anh kéo nhau đến đó chứ không đi tuần tra trên con đường mòn đã được giao phó?

Lần đầu tiên, lần đầu tiên kể từ khi tôi bắt đầu cuộc điều tra, cả năm đứa trong tiểu đội 2/11 câm lặng. Thằng Reynolds đưa đôi mắt lạnh lùng nhìn người đàn bà. Collins đưa tay vuốt mặt, vuốt luôn cả làn môi dưới. Watson và Jefferson ngồi rũ người trong lòng ghế, mắt trợn trừng dán chặt vào đôi bàn chân. Thiel đầu lắc lư như người lên đồng, nhìn trân trân vào cái bật lửa, đưa hai tay bụm lấy miệng cố ngăn hai tiếng trời ơi đừng thoát ra.

Cuối cùng, bức tường đá sập đổ hoàn toàn.

Lá Thư

Những ngày kế tiếp, Thiel là người sốt sắng cộng tác với chúng tôi nhất. Diễn tiến của câu chuyện xảy ra, theo lời khai chi tiết của Thiel, gần đúng như những gì tôi đã suy luận trước đây.

Berkley, theo lời kể của Thiel, ngay từ đầu đã khó chịu vì những món hàng quân đội mà Reynolds lén lút bán cho thằng cha Tiger. Thật ra, Berkley không quan tâm mấy về những tấm gỗ dán chõ lên Phú Biên để bán cho Tiger. Rồi những hàng quân dụng vô thưởng vô phạt như mấy kiện lương khô, Berkley cũng không nói gì. Nhưng khi Reynolds bán những cái ông nhòm hồng ngoại tuyến, súng M-79, đạn dược thì Berkley không thể ngồi yên chấp nhận được.

Trong khi đó, thằng cha Tiger được voi đòi tiên. Khi hắn bàn với Reynolds về những vũ khí chiến lược như loại súng chống chiến xa (LAAWs – Light Anti-Armor Weapons), loại súng bắn một lần, chính xác, hủy diệt xe tăng rất hiệu quả thì Berkley lên tiếng phản đối ngay. Chính vì Berkley chống lại việc mua bán các loại vũ khí chiến lược nên mới xảy ra cuộc cãi vã và bị bắn chết.

Reynolds sợ Berkley sẽ đi báo cáo với viên chỉ huy trưởng mới – đại úy Boggs – nên nó phải giết người để bịt miệng. Hắn bắt tất cả tiểu đội phải bắn một viên vào người Berkley để bảo đảm sự bí mật. Thiel không đồng ý nhưng bị ép mãi nên cuối cùng hắn bắn vào bả vai. Thiel nghĩ lúc hắn bắn Berkley đã chết rồi.

- Mỗi lần đi tuần tra, chúng tôi đều lên Phú Biên để báo cho Tiger để hắn mang gái đến làng vào buổi tối hôm đó.

Tất cả những lời khai của Thiel không có gì mới lạ, vì tôi đã đoán trước được diễn tiến của vụ giết người. Chỉ có sự tiết lộ sau cùng của Thiel làm tôi quá sững sờ.

Sommers ngồi bên cạnh tôi để ghi nhận những lời khai của Thiel. Anh ta cầm một xấp giấy báo cáo của tiểu đội tuần tra. Sommers cầm một tờ giấy lên:

- Đây, bản báo cáo về một trung đội Việt-cộng di chuyển trong vùng này do các anh viết. Thế chuyện này cũng láo khoét như những lần cáo cáo trước phải không?

- Ô! Không, chuyện trung đội Việt-cộng thì là sự thật.

- Anh trông thấy trung đội Việt-cộng đi ngang qua làng hả? Nguyên cả trung đội? Bọn anh nằm ôm ấp mấy con diêm ở trong nhà mà lại thấy cả một trung đội Việt-cộng thì chuyện lạ thật.

Thiel lắc đầu:

- Không! Chúng tôi không thấy nhưng có một thằng nhỏ đến gặp khi chúng tôi bước vào làng. Tôi không biết nó là ai, nhưng biết chắc nó ở trong làng đó. Thằng nhỏ khoe rồi rít với chúng tôi là có thấy Việt-cộng mặc dù nó chỉ nói lồm bồm được vài chữ tiếng Anh. Hạ sĩ Reynolds kéo nó ra ngoài để nói chuyện. Một lúc sau hắn quay lại và nói với chúng tôi là thằng nhỏ vừa cho hắn một tin tức rất sốt dẻo, đáng được viết vào bản báo cáo tối nay. Thằng nhỏ nói là mấy tối trước có thấy một trung đội Việt-cộng đi ngang qua làng. Reynolds cũng trả cho thằng nhỏ vài đồng để thưởng công.

Vừa nghe đến đó, Sommers giận sôi lên, hỏi gần từng tiếng:

- Thằng nhỏ không nói được tiếng Anh, thế ai thông dịch cho thằng Reynolds?

Thiel ngẫm nghĩ một chút rồi trả lời:

- Tiger.

Sommers xoay người bước ra khỏi lều, nện những bước chân giận dữ lên sàn gỗ. Đến ngay cửa lều, Sommers đứng lại, quay người, hét to vào mặt Thiel:

- Đồ ngu! Các anh đã giết chết thằng nhỏ đưa tin của tôi. Thằng Tiger là Việt-cộng, anh biết không?

Tôi thờ dài nhớ đến cái nhìn của bà mẹ. Cái nhìn trách móc với ý nghĩ những người lính Mỹ cũng góp phần vào việc gieo cao lưỡi mã tấu để chém vào thân thể đứa con của bà. Và câu chuyện của Thiel đã chứng minh rằng điều bà trách móc là đúng.

Lá thư hai trang của tôi gửi cho bà mẹ của Berkley viết đã gần xong. Tôi đã hứa với người đàn bà là sẽ kể rõ từng chi tiết trong thư, nhất là những lời bà muốn nói với mẹ của Berkley. Đó là nguyện vọng của bà. Tôi muốn người thông ngôn dịch để bà đọc nhưng bà chỉ muốn về làng ngay, không thiết tha một điều gì nữa. Nhìn bóng dáng gầy gò của bà khuất ở cuối đường mòn, lòng tôi bồi ngùi khôn xiết và băng khuâng tự hỏi cuộc đời của bà, của một người mẹ, sẽ ra sao với những tháng ngày cô đơn sắp tới. Kiếp nhân sinh sẽ trôi về đâu, và lúc nào sẽ dừng lại hết khổ đau? Tôi không thể trả lời cho tôi những câu hỏi quay cuồng trong tâm trí. Mãi mãi rồi tôi vẫn không thể tìm được câu trả lời thoả đáng.

Tôi cũng hứa với bà sẽ gửi cái bật lửa Zippo cho bà mẹ Berkley sau khi nhận được tin cả tiểu đội bị kêu án nặng nề và bị giam giữ tại Leavenworth. Gửi đi một lá thư báo tin dữ, kể hết những nỗi niềm của một người mẹ ở phía bên này đại dương, tôi vẫn cố làm được nhưng không biết phải kết thúc lá thư này thế nào cho đẹp nghĩa. Ở trên bàn giấy, nằm lỳ lất một tờ tạp chí Star and Stripes; trong đó có bài tường thuật về cuộc hòa đàm đang tiến hành tại Ba-lê. Một tư tưởng chợt hiện đến, tôi cầm cúi viết ngay lên trang giấy:

Tôi đang đọc bài tường thuật về Henry Kissinger, ngoại giao đoàn, nhân viên Toà Bạch Ốc, các nhà chính trị, và các tướng lĩnh đang bắt đầu một cuộc hoà đàm với các nhà lãnh đạo miền Bắc tại Ba-lê. Họ nói rằng cuộc hoà đàm có thể kéo dài trong một năm để đi đến những thoả hiệp danh dự cho cả hai bên. Tôi bỗng băn khoăn tự hỏi thật sự có một nền hoà bình ô nhục không? Trong thời gian một năm, còn bao nhiêu người nữa phải nằm xuống để cho các nhà lãnh đạo tìm kiếm một chút danh dự? cho riêng mình? cho đất nước mình? Trong khi viết kể về cái chết của con bà, tôi cũng tự hỏi nếu những người vợ góa bụa, những người mẹ mất con của cả hai bên cùng ngồi xuống để tìm kiếm một thoả hiệp hoà bình thì sao? Tôi nghĩ chắc chắn sẽ không có những hàng rào ý thức hệ như các nhà lãnh đạo thường dùng để làm chậm hãm diễn tiến của việc đàm phán. Dù sao đi nữa, tôi vẫn mong họ sẽ nhanh chóng đạt được một thoả ước.

Xin thành thật chia buồn,

Carl Hatchett

Chuẩn Úy

Nha Điều Tra Tội Ác

Quân Lực Hoa Kỳ

Tôi niêm kín lá thư, mệt mỏi đứng dậy tiến về phía cửa sổ, thả ánh mắt vào khoảng không gian vô tận, xa khỏi tầm căn cứ của Sư Đoàn 6 Bộ Binh, nhìn về hướng thành phố Pleiku đang đứng im lìm lặng lẽ như chiêm niệm một nỗi buồn u uất, và ngược mắt nhìn lên bầu trời cao xanh thẳm.

Trên trời có hai cụm mây trắng bồng bênh trôi.